CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

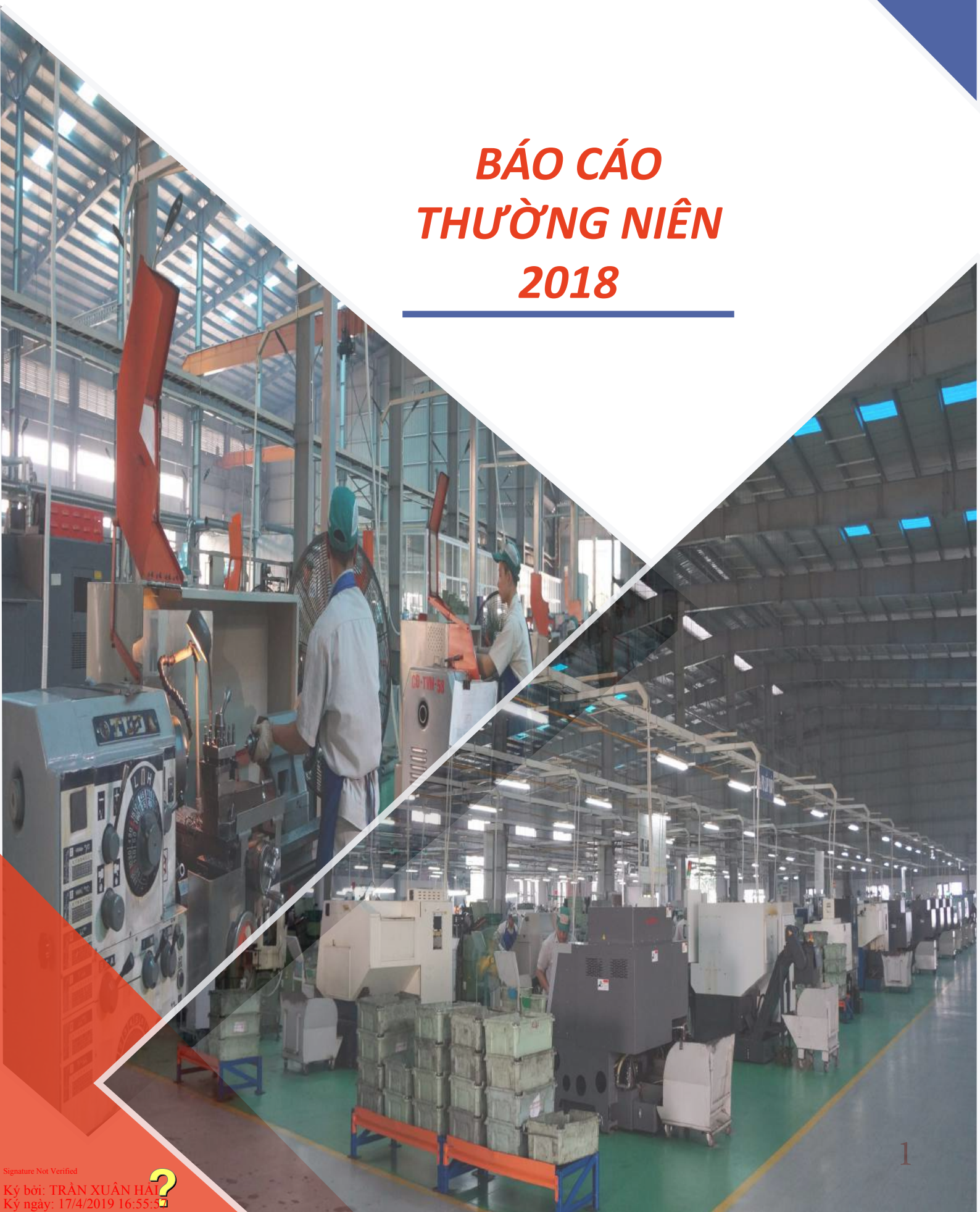

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Signature Not Verified
Ký bởi: TRẦN XUÂN HẢI
Ký ngày: 17/4/2019 16:55:5

DANH MỤC VIẾT TẮT

HĐQT: Hội đồng quản trị

BGĐ: Ban giám đốc

BKS: Ban kiểm soát

CBCVN: Cán bộ công nhân viên

Công ty: Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh

DFC: Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh

UBND: Uỷ Ban Nhân dân

XNPT: Xí nghiệp phụ tùng

PX: Phân xưởng

SXKD: Sản xuất kinh doanh

MỤC LỤC

01 PHẦN MỞ ĐẦU

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản
Một số nét chính về Công ty
Tầm nhìn-Chiến lược-Giá trị cốt lõi

02 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin chung
Ngành nghề kinh doanh
Địa bàn kinh doanh
Trình độ công nghệ
Định hướng phát triển

03 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức
Giới thiệu Ban lãnh đạo
Thông tin dành cho cổ đông
Quan hệ cổ đông IR
Công bố thông tin và tính minh bạch
Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao của HĐQT, BKS
Tăng cường quản trị Công ty
Quản trị rủi ro

04 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tổng quan nền kinh tế, ngành
Hoạt động kinh doanh
Phân tích SWOT
Dự án đầu tư
Phân tích tài chính
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban giám đốc

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững
Mục tiêu phát triển bền vững
Trách nhiệm với môi trường
Trách nhiệm với xã hội

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

01 PHẦN MỞ ĐẦU

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Một số nét chính về Công ty

Tầm nhìn-Chiến lược-Giá trị cốt lõi

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phan Tấn Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị

1.413 tỷ đồng
Doanh thu thuần tăng trưởng 0,9%

25 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 6,1%

"Với bề dày lịch sử gần nửa thế kỷ xây dựng, phát triển và trưởng thành, DFC đã nỗ lực không ngừng, vượt qua khó khăn, mạnh dạn chuyển mình từ một xí nghiệp chuyên sản xuất xích và líp xe đạp trước đây để trở thành doanh nghiệp có vị thế, uy tín trong ngành công nghiệp phụ trợ chuyên cung cấp phụ tùng ô tô, xe máy và các sản phẩm cơ khí, góp phần vào công cuộc CNH-HĐH đất nước".

Kính thưa quý cổ đông, các nhà đầu tư cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh!

Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh được thành lập năm 1974 từ một doanh nghiệp nhỏ với 150 lao động và 2 dây truyền sản xuất xích líp và líp xe đạp, đến nay quy mô của công ty đã phát triển lớn mạnh hơn nhiều lần, sản xuất trên 1000 chủng loại sản phẩm khác nhau, doanh thu hằng năm luôn đạt mức tăng trưởng từ 5-10 %. Với chặng đường phát triển trên 4 thập kỷ, trải qua nhiều khó khăn, thử thách, có những thời điểm tưởng chừng như Công ty sụp đổ, phá sản, nhưng với sự đoàn kết của tập thể CBCNV Công ty, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ủy, ban lãnh đạo Công ty đã vượt qua những giai đoạn khó khăn để tồn tại và phát triển lớn mạnh. Ngày hôm nay, CBCNV Công ty tự hào với một Xích líp Đông Anh có bề dày lịch sử, lớn mạnh và được nhiều khách hàng biết tới. Năm 2018 đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế Việt Nam khi GDP tăng 7,08% so với năm 2017. Lạm phát giữ ở mức cơ bản 1,48% so với năm 2017. Với tình hình kinh tế vĩ mô trong nước như vậy; Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh ghi nhận kết quả kinh doanh với nhiều gam màu sáng khi:

- Doanh thu thuần đạt 1.413.422.538.290 đồng tăng 0,9% so với năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế đạt 25.223.348.682 đồng tăng 6,1 % so với năm 2017

Cán bộ nhân viên có trình độ tay nghề cao, thái độ tận tụy trong công việc cùng với đó là hệ thống máy móc thiết bị hiện đại là những yếu tố tiên quyết để quyết định nên sự thành công của doanh nghiệp như bây giờ. Bên cạnh những thuận lợi trên cũng không thể không kể đến sự khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải như mức độ cạnh tranh trong ngành càng ngày càng gia tăng, giá nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là Thép liên tục biến động từ làn sóng bảo hộ của các nước trên thế giới trong năm vừa qua. Nhận thức rõ thuận lợi và khó khăn từ cả những nguyên nhân khách quan, chủ quan tác động tới doanh nghiệp, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh vẫn luôn giữ vững lạc quan rằng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt của Hội đồng quản trị công ty, khả năng lãnh đạo chỉ đạo sản xuất của Ban giám đốc đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành cùng với đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Chúng tôi tin tưởng rằng công ty sẽ phát triển không ngừng chinh phục được những mục tiêu đã đề ra. Năm 2019, hệ thống nhà xưởng 6000 m2 khang trang sẵn sàng đi vào hoạt động sản xuất sản phẩm cùng với đó là những dự báo khả quan về nhu cầu tiêu thụ xe máy chúng tôi tự tin đã có đủ nội lực tích lũy; luôn trong tâm thế vững vàng để đón đầu những cơ hội này. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được bất kì khó khăn, thách thức nào, để ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Thay mặt Ban lãnh đạo công ty, tôi xin chúc quý cổ đông, quý đối tác, khách hàng, toàn thể cán bộ công nhân nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

Ký tên!

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Doanh thu thuần

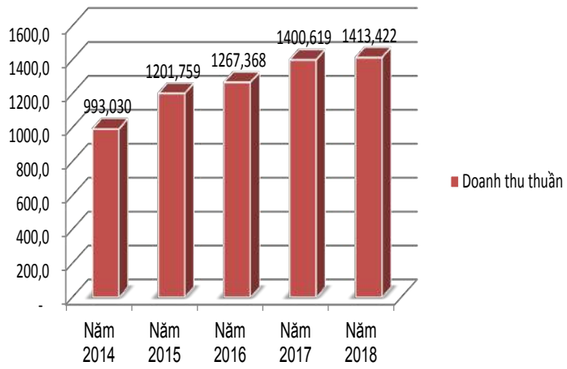

Lợi nhuận trước thuế

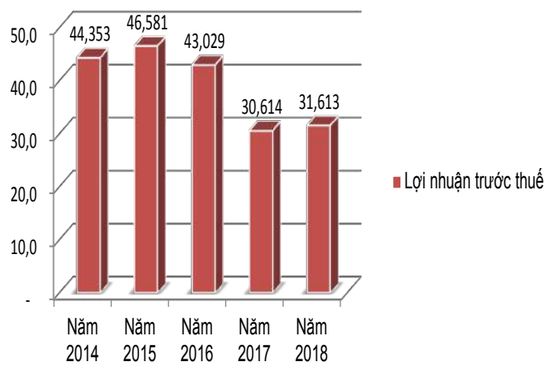

Tổng tài sản

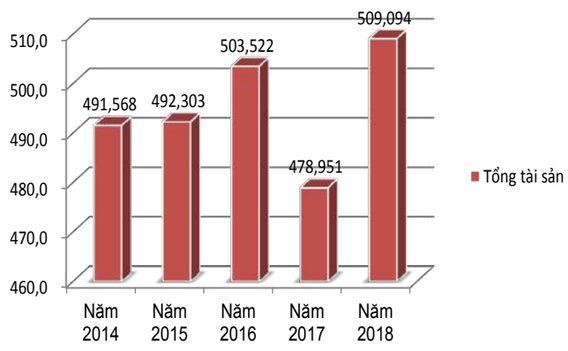

Vốn chủ sở hữu

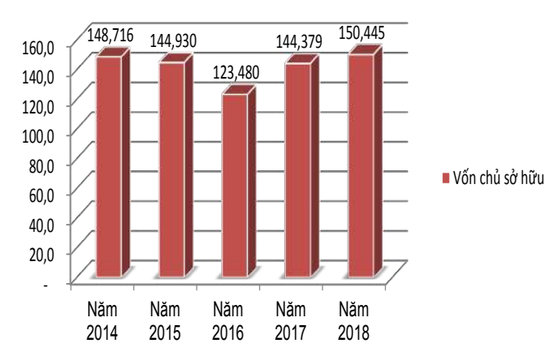

ROA

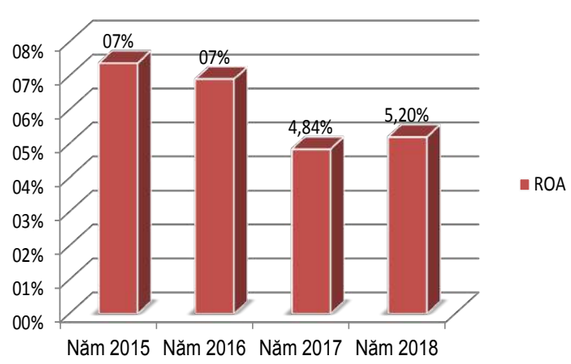

ROE

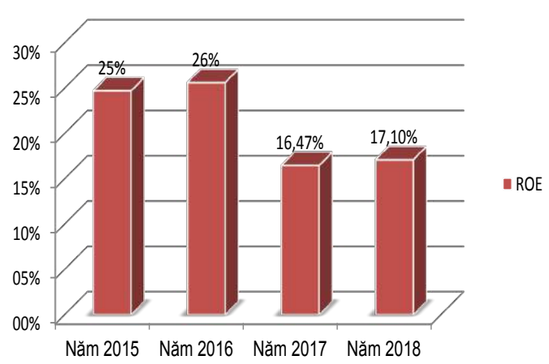

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	993,030	1.201,759	1.267,368	1.404,223	1.413,422
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	95,561	112.540	118,552	112,354	114,948
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	44,353	46,581	43,029	30,614	31,613
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	34,508	36.275	34,370	23,776	25,223
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	491,568	492,303	503,522	478,951	509,094
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	148,716	144,930	123,480	144,379	150,445
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
ROA	%		7,4%	6,90%	4,96%	5,2%
ROE	%		24,7%	25,6%	16,47%	17,1%

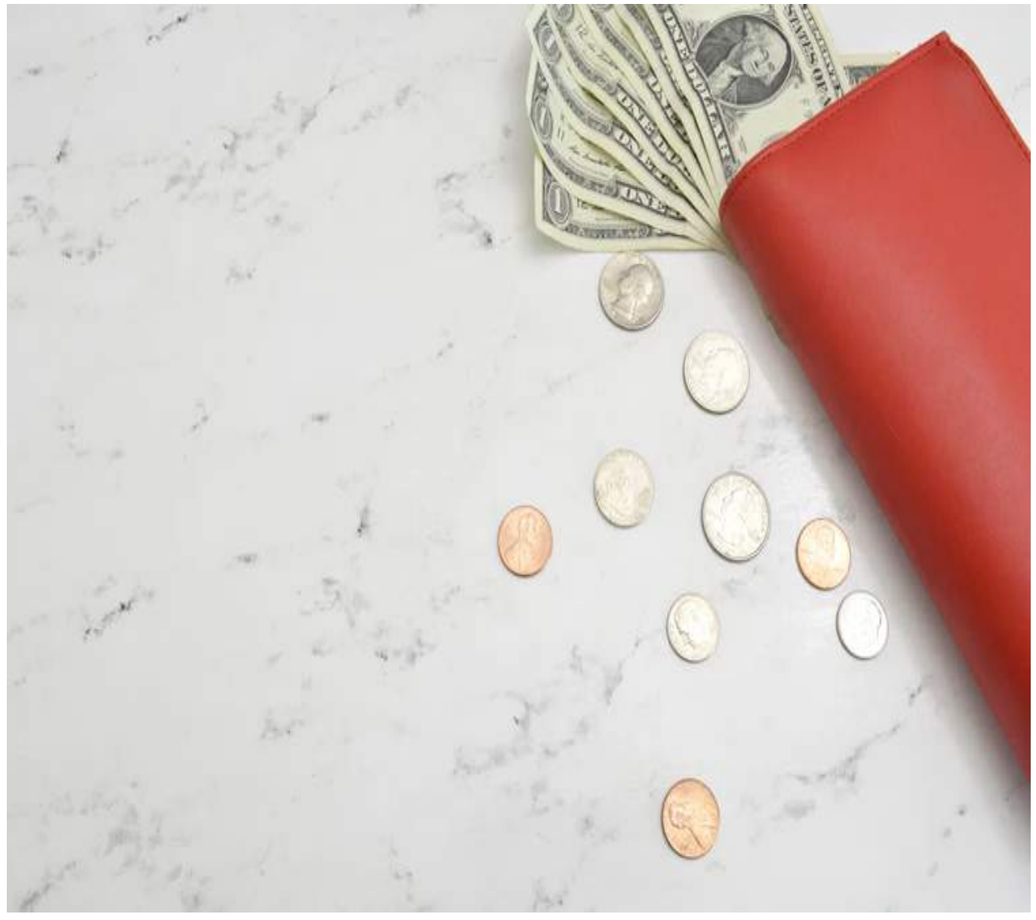

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY

Giai đoạn 1974-1984:

Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp Xích líp Xe đạp Hà Nội trực thuộc Liên hiệp Xe đạp Xe máy (Lixe-ha trước đây) được giao nhiệm vụ chuyên sản xuất xích líp xe đạp. Đây là giai đoạn phát triển thịnh vượng của Công ty trong nền kinh tế bao cấp, kế hoạch hóa tập trung xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn 1985-1997:

Giai đoạn kinh tế đất nước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước xóa bỏ bao cấp. Đây là thời kỳ vô cùng khó khăn của Công ty: xích và líp xe đạp không tiêu thụ được vì không đủ sức cạnh tranh về giá cả với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc. Phần lớn CBNV thất nghiệp. giống như rất nhiều doanh nghiệp Nhà nước khác vào thời điểm đó, công ty đứng bên bờ vực phá sản.

Giai đoạn 1998-2000:

Các doanh nghiệp xe máy của nước ngoài bắt đầu lắp ráp xe máy tại Việt Nam và tìm kiếm nhà cung cấp. Với sự mạnh dạn nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và CBNV Công ty trong việc tìm hướng đi mới, chuyển đổi mặt hàng, chuyển đổi sản phẩm, Công ty đã trở thành một trong những nhà cung cấp phụ tung cho Honda Việt Nam, bắt đầu bằng việc sản xuất một số chi tiết đơn giản phục vụ cho hàn dập khung sườn xe máy.

Giai đoạn 2001-2005:

Là thời kỳ phát triển vượt bậc, tăng trưởng nóng. Công ty đầu tư thêm nhiều máy móc thiết bị, xây mới nhà xưởng và mở rộng sản xuất. Trong giai đoạn này, Công ty tiếp nhận sáp nhập thêm 2 Công ty là Công ty Bi Hà Nội và Công ty phụ tùng Đông Anh và triển khai áp dụng Hệ thống QLCLMT ISO 9001:2000 và ISO 14001:2004

Giai đoạn 2006-2010:

Doanh thu của Công ty tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao nhưng không còn nóng như thời kỳ trước. Đây là thời kỳ Công ty tập trung cải tiến hệ thống quản lý cho phù hợp với quy mô sản xuất với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững. Giai đoạn này cũng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề, thêm vào đó là những tác động của cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu cũng phần nào ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doan của Công ty. Ban lãnh đạo và toàn thể CBNV Công ty xác định đối mặt với một giai đoạn khó khăn mới.

Giai đoạn 2010-nay:

Giai đoạn 2010-nay: Thị trường xe máy có xu hướng bão hòa, sự cạnh tranh khốc liệt không chỉ đến từ các doanh nghiệp cùng chủng loại sản phẩm ở trong nước mà còn đến từ các doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong khu vực Asean, đặc biệt khi thuế nhập khẩu xe máy xuống mức 0%, sức ép giảm giá của của các hãng xe lớn trong nước vì thế ngày càng mạnh mẽ. Giai đoạn này Công ty huy động nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp thiết bị máy móc, cải tiến để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành phẩm, phát huy các thế mạnh của doanh nghiệp.

Trong các giai đoạn trên, có thể nói, quá trình phát triển của công ty thực sự khởi sắc từ năm 1998, khi các doanh nghiệp xe máy của nước ngoài bắt đầu lắp ráp xe máy tại Việt Nam. Sự trưởng thành, lớn mạnh của Công ty được minh chứng bằng những con số cụ thế sau đây:
Năm 1998, Công ty bắt đầu sản xuất 8 phụ tùng cung cấp cho Honda. Đến nay, Công ty sản xuất gần 500 chủng loại phụ tùng, linh kiện cung cấp cho các doanh nghiệp lắp ráp như Honda, Yamaha, VMEP, Piaggo và mở rộng thêm các mặt hàng khác ngoài xe máy. Từ chỗ chỉ sản xuất các chi tiết, linh kiện đơn giản phục vụ cho hàn dập khung sườn xe máy, đến nay Công ty đã sản xuất thêm các linh kiện phục vụ cho lắp ráp động cơ. Doanh thu của Công ty từ 20 tỷ (năm 1998) đến nay là hơn 1000 tỷ. Về lao động: trước đây chỉ có 150 người đến nay đã lên tới gần 1600 người. Từ 4 phân xưởng ban đầu với 2 dây chuyền sản xuất xích và líp, đến nay số phân xưởng đã tăng gấp 3 lần và số thiết bị máy móc tăng gấp 14 lần với nhiều máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại, tự động hóa và cho năng suất cao thay thế các máy móc lạc hậu, cũ kỹ trước đây, diện tích nhà xưởng của Công ty được mở rộng gấp 3 lần.

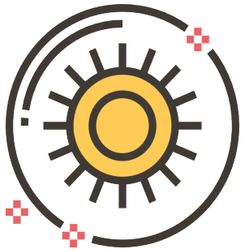

TẦM NHÌN

Nâng cao năng lực sản xuất thông qua đổi mới công nghệ theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, tự động hóa để sản xuất sản phẩm có độ chính xác cao đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, nâng cao năng suất, giải phóng sức lao động và cải tạo điều kiện, môi trường làm việc cho người lao động.

CHIẾN LƯỢC

Để có được sức mạnh vượt qua những giai đoạn khó khăn, giữ vững được sự ổn định và phát triển bền vững, các cấp ủy và Ban giám đốc Công ty luôn thấm nhuần bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quản lý gồm 5 nội dung sau:

- Xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu khách hàng thì Công ty mới phát triển bền vững.
- Coi trọng công tác xây dựng quy hoạch, đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.
- Luôn làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị.
- Chăm lo vật chất, tinh thần cho CBCNV.

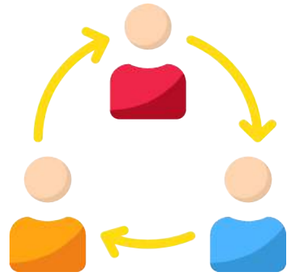

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Coi trọng đào tạo con người:

Thế mạnh của công ty là bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo sản phẩm cơ khí được tích lũy, hun đúc qua nhiều năm và sự đam mê sáng tạo của nhiều thế hệ. Luôn ý thức con người là nguồn lực quan trọng nhất nên đầu tư cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu tại Công ty. Chính vì vậy, sức mạnh của Xích líp Đông Anh là quy tụ được một đội ngũ kỹ sư, chuyên viên và công nhân lành nghề, năng động và say mê cải tiến, gắn bó lâu dài với công ty và có khả năng tiếp thu và ứng dụng nhanh chóng công nghệ khoa học kỹ thuật sản xuất tiên tiến hiện đại của thế giới, phong cách làm việc chuyên nghiệp, nhanh gọn và tận tụy với khách hàng.

Coi trọng khàng là số 1:

Trải qua 45 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh vẫn giữ chân được lượng khách hàng có thương hiệu lớn như: Honda, Piaggo, Yamaha,.. Điều này xuất phát từ giá trị cốt lõi được xác định ngay từ khi thành lập đó là sản xuất sản xuất ra phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn về mặt chất lượng, không ngừng thay đổi mẫu mã để phù hợp với thị hiếu của khách hàng và sự hài lòng của các đối tác.

Định hướng phát triển bền vững:

Công ty không ngừng cải tiến, hoàn thiện hệ thống sản xuất thông qua áp dụng 5S, Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 để có được Chất lượng sản phẩm – giao hàng đúng hạn và giá cả hợp lý, điều đó cũng thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng, cộng đồng xã hội và môi trường sinh thái.

02

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung

Nghành nghề kinh doanh

Trình độ công nghệ

Địa bàn kinh doanh

Công ty con, công ty liên kết

Định hướng phát triển

THÔNG TIN

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

Tên Tiếng Anh: DONG ANH C&F JOINT STOCK COMPANY

Trụ Sở chính: Số 11, Tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đăng ký kinh doanh: Số 0100100696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/08/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 19/11/2014.

Website: http://www.xichlipda.vn

Fax: 024.38835395

Điện thoại: 024.38832369

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Mã chứng khoán: DFC

Sàn giao dịch: UPCoM

Mệnh giá: 10.000 đồng

Khối lượng Niêm yết: 6.000.000 cổ phần

Tổng giá trị Niêm Yết: 60.000.000.000 đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1974

Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh có tiền thân là Xí ng-hiệp Xích Líp Xe đạp được thành lập.

Năm 1992

Doanh nghiệp Xí nghiệp Xích lích được thành lập.

Năm 1998

Xí nghiệp Xích Líp đổi tên thành Công ty Xích Líp Đông Anh.

Năm 2003

Công ty Xích Líp Đông Anh đã sáp nhập thêm 02 công ty Bi Hà Nội và Công ty phụ tùng xe đạp Đông Anh.

Năm 2005

Công ty Xích Líp Đông Anh được đổi tên thành Công ty TNHH NN MTV Xích líp Đông Anh.

Năm 2009

Công ty TNHH NN MTV Xích Líp Đông Anh chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.

Năm 2012

Công ty được Uỷ ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng theo Quyết định số 2708.

Năm 2014

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

Năm 2016

Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 03/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 6.000.000 cổ phiếu.

Năm 2017

Công ty đã có quyết định số 07/QĐ – SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM.

SỰ KIỆN NỔI BẬT

01

Năm 2018, Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh đã mở rộng được thêm 02 khách hàng mới, có thương hiệu trên thị trường đó là Huyndai và Vifast - một hãng xe của Việt Nam đã có màn ra mắt thành công trên thị trường.

02

Hoàn thành công trình nhà xưởng sản xuất 6000m2 thay thế cho các nhà xưởng đáp ứng yêu cầu dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

01

Bằng khen của Đảng bộ Thàn phố

02

Bằng khen UBND Thành phố

03

Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Thành phố

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất các cấu kiện kim loại
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
Sản xuất nồi hơi
Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

Nguyên vật liệu đầu vào chính cho quá trình sản xuất ra sản phẩm của Công ty là Thép hóa tốt. Vì xuất phát từ những đăc tính của thép như: độ cứng, độ bền, độ dai và đập, khả năng gia công cắt gọt.Thép hóa tốt là loại thép có hàm lượng carbon nằm trong khoảng từ 0,3 %-0,5%, là loại thép chuyên dùng để chế tạo các chi tiết chịu tải tĩnh và va đập cao, yêu cầu độ bền và đặc biệt là độ dai va đập cao (cơ tính tổng hợp cao) sẽ đạt được các yêu cầu trên.

Sản phẩm trục dập ngang

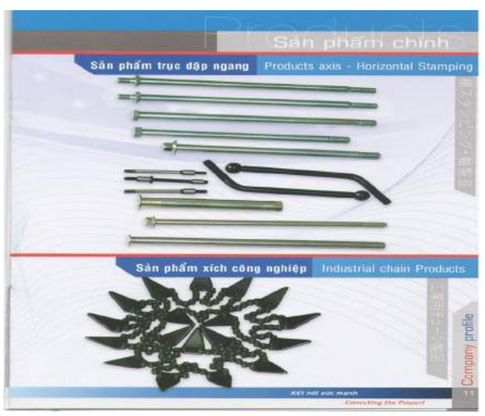

Sản phẩm dập hình

Các loại bi quản cầu

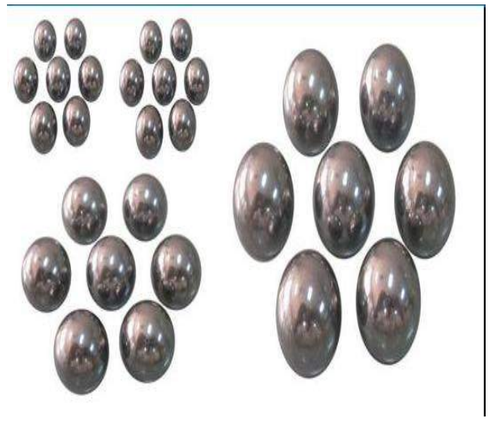

Sản phẩm mạ

Sản phẩm trong động cơ

Sản phẩm gia công động cơ

Sản phẩm hàn

Sản phẩm uốn gai

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trong nước: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh

Quốc tế: Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan, Thụy Điển, Italia

Các đối tác của doanh nghiệp

HONDA The Power of Dreams

PIAGGIO

SYM Engine of Life

YAMAHA

VINFAST

HYUNDAI

TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ

Thiết bị dập liên hoàn nhiều bước trên cùng một khuôn cho các loại máy dập : 100; 110;150; 300; 315; 400; 630 tấn.
Các loại máy dập ngang: 3 trạm, 4 trạm, 6 trạm, đảm bảo năng suất cao chất lượng ổn định ,đáp ứng được nhiều sản phẩm có nguyên dạng phức tạp.
Các trung tâm gia công như : Máy tiện CNC, máy phay CNC, máy cắt dây, thiết bị mài vô tâm đáp ứng được độ chính xác cao của các sản phẩm như du sai kích thước độ nhám về mặt, độ tròn, độ chụm.
Dây truyền xử lý nhiệt: hệ thống carbon, nito rit, cơ bề mặt cơ tần đáp ứng yêu cầu rất cao về độ cứng bề mặt, tổ chức cấy vi cũng như cơ cứng của sản phẩm.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Mục tiêu doanh nghiệp hướng tới trong giai đoạn tới như sau:

- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất theo hướng tự động hóa: Công ty mạnh dạn đầu tư hệ thống gia công cơ khí với nhiều chủng loại thiết bị đa dạng, hiện đại với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất thông qua đổi mới công nghệ theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, tự động hóa để sản xuất sản phẩm có độ chính xác cao đáp ứng yêu cầu hàng ngày càng cao của khách hàng, nâng cao năng suất, giải phóng sức lao động và cải tạo điều kiện, môi trường làm việc cho người lao động.
- Đầu tư nhà xưởng khang trang hiện đại đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng mở rộng của Công ty
- Mở rộng mặt hàng của công ty sang các lĩnh vực khác: sản xuất ô tô, sản phẩm cơ khí ngoài xe máy
- Hướng tới việc cắt giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm 4-5%/năm

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đóng góp cho ngân sách nhà nước
- Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để có được sức mạnh vượt qua những giai đoạn khó khăn, giữ được sự ổn định và phát triển bền vững, các cấp ủy và Ban giám đốc Công ty luôn thấm nhuần bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quản lý gồm 5 nội dung sau:

Một là xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu khách hàng thì Công ty mới phát triển bền vững.

Hai là coi trọng công tác xây dựng quy hoạch, đào tạo cán bộ , bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới

Ba là tập thể đoàn kết thống nhất thì mọi việc thành công

Bốn là luôn làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị

Năm là chăm lo vật chất, tinh thần cho CBCNV.

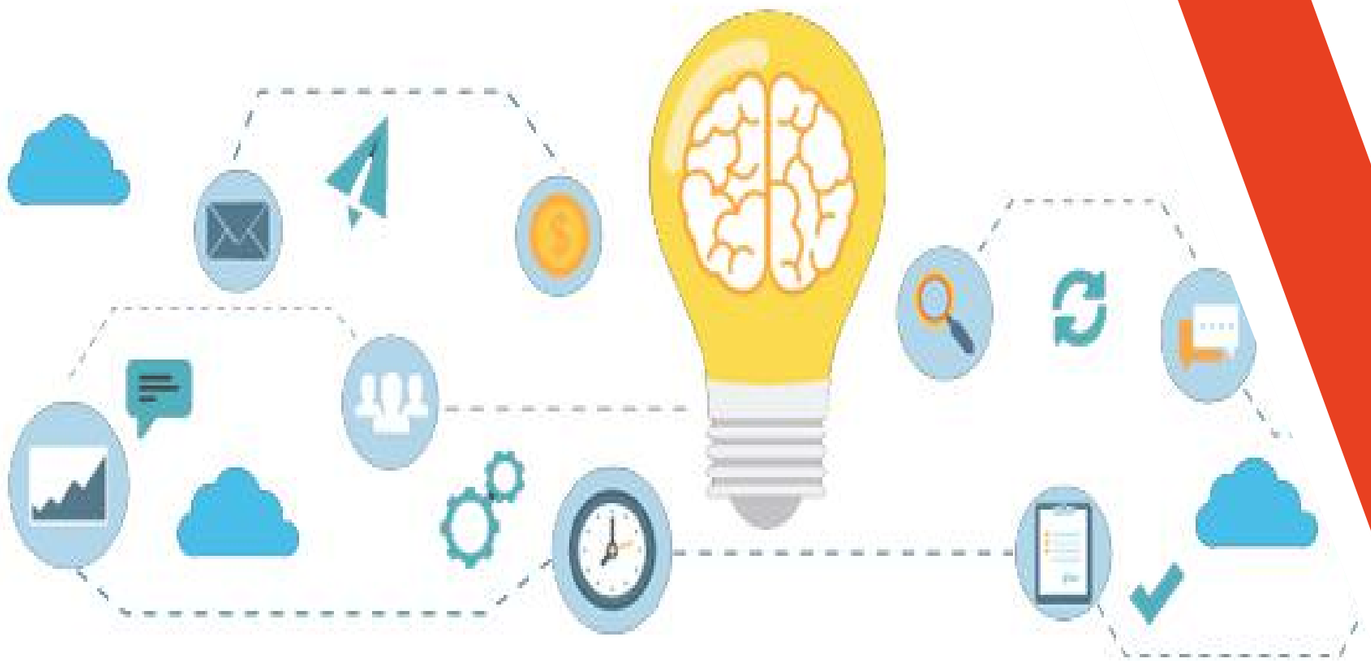

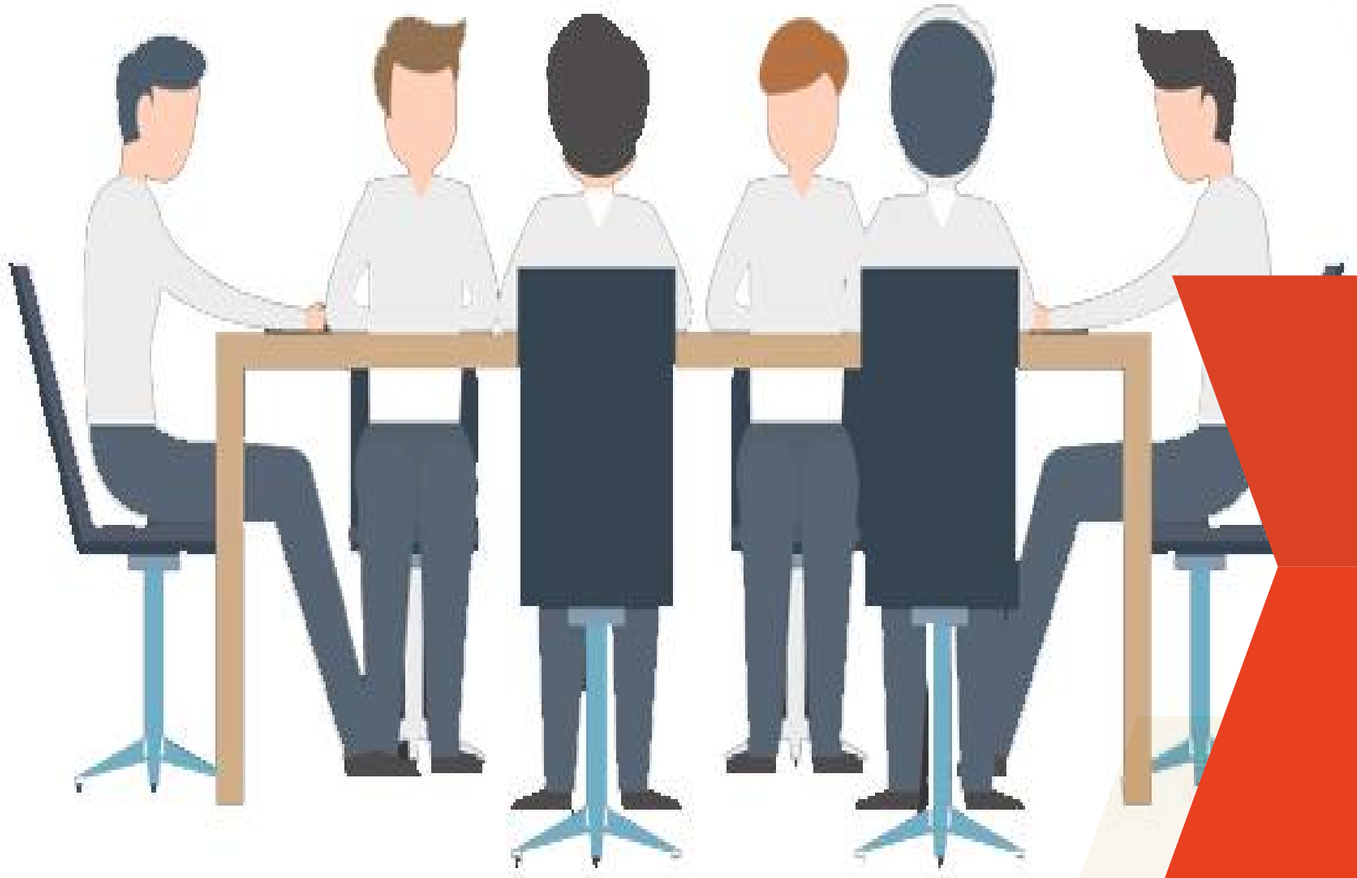

03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức

giới thiệu Ban lãnh đạo

Thông tin dành cho cổ đông

Quan hệ cổ đông

Công bố thông tin và tính minh bạch

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao HĐQT, BKS

Tăng cường quản trị Công ty

Quản trị rủi ro

CƠ CẤU TỔ CHỨC

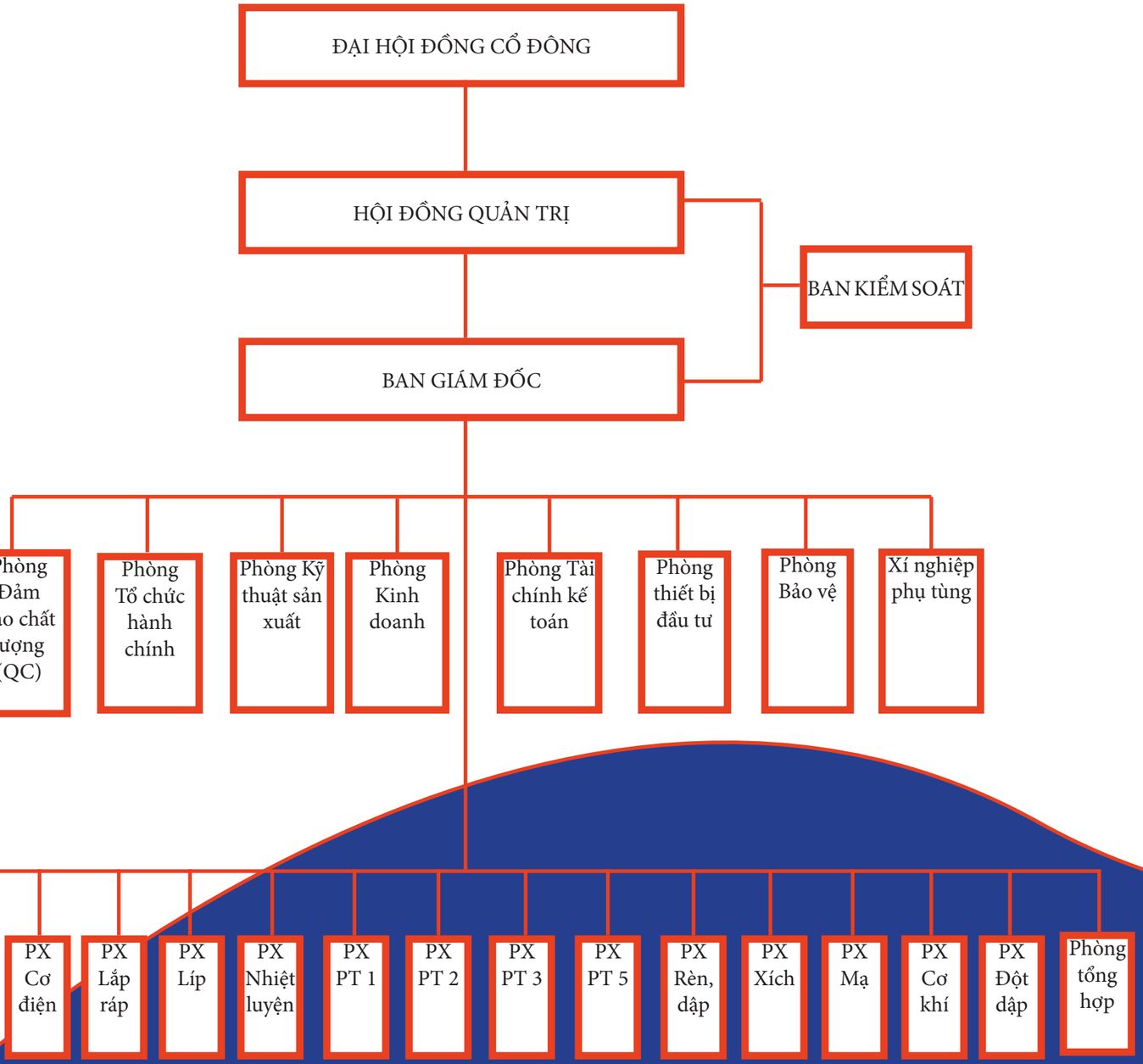

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ DÔNG

Là cơ quan có quyết định cao nhất, có quyền thông qua định hướng phát triển công ty, quyết định các vấn đề tài chính, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty, mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiên các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

Do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt đai hội đồng cô đông kiểm tra toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của Công ty, kiểm tra bất thường khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, can thiệp vào hoạt động của Công ty khi cần.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao một các trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giúp Tổng giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	178.200	2,97%
2	Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	71.300	1,19%
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT– Giám đốc	22.600	0,38%
4	Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	28.800	0,48%
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	315.600	5,26%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ong Phan Tấn Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 11/05/1960
Trình độ văn hóa: 10/10
Qúa trình công tác:
- Từ 12/1981-12/1988: Nhân viên Kỹ thuật XN Xích Líp Đông Anh
- Từ 01/1989-05/1991: Phó phòng kỹ thuật Sản xuất XN Xích Líp Đông Anh
- Từ 06/1991-12/1992: Quản đốc Phân xưởng Xích Líp-XN Xích Líp Đông Anh
- Từ 01/1993-05/1997: Phó giám đốc XN Xích Líp Đông Anh
- Từ 06/1997-03/1998: Q. Giám đốc Xí nghiệp Xích Líp Đông Anh
- Từ 04/1998-07/2005: Giám đốc Công ty Xích Líp Đông Anh
- Từ 08/2005 – 08/2009: TGĐ Công ty TNHH MTV Xích Líp Đông Anh.
- Từ 09/2009-09/2017: Bí thư Đảng ủy- Tổ trưởng tổ quản lý vốn- Chủ tịch HĐQT-TGĐ Công ty CP Xích líp Đông Anh
- Từ 10/2017- đến nay: Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch HĐQT- TGĐ Công ty CP Xích líp Đông Anh

Số lượng cổ phần nắm giữ: 178.200 cổ phần

Ông Phùng Quang Hải
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 18/8/1963
Trình độ văn hóa: 10/10
Qúa trình công tác:
Từ 3/1987-1988: Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Xích líp Đông Anh.
Từ 1989-1992: Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Xí nghiệp Xích líp Đông Anh.
Từ 1989-1992: Phó Quản đốc PX Líp – Xí nghiệp Xích líp Đông Anh.
Từ 1992-1994: Quản đốc PX Líp – Xí nghiệp Xích líp Đông Anh.
Từ 1994-1996: Phụ trách tiếp thị - Xí nghiệp Xích líp Đông Anh.
Từ 1996-1998: Trưởng phòng KTSX – Xí nghiệp Xích líp Đông Anh.
Từ 1998-2001: Chủ tịch Công Đoàn Công ty CP Xích líp Đông Anh, Trưởng phòng KTSX – Xí nghiệp Xích líp Đông Anh.
Từ 2001-7/2009: Chủ tịch Công Đoàn Công ty CP Xích líp Đông Anh, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xích líp Đông Anh.
Từ 7/2009-2013: Chủ tịch Công Đoàn Công ty CP Xích líp Đông Anh, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xích líp Đông Anh, Thành viên tổ quản lý vốn, thành viên HĐQT Công ty CP Xích líp Đông Anh.
Từ 2013-đến T9/2017: Chủ tịch Công Đoàn Công ty CP Xích líp Đông Anh, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xích líp Đông Anh, Thành viên tổ quản lý vốn, thành viên HĐQT Công ty CP Xích líp Đông Anh.
Từ 10/2017- đến nay: : Chủ tịch Công Đoàn Công ty CP Xích líp Đông Anh, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xích líp Đông Anh, thành viên HĐQT Công ty CP Xích líp Đông Anh.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 71.300 cổ phiếu

Ông Nguyễn Thanh Tùng
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 18/9/1961
Trình độ văn hóa: 10/10
Qúa trình công tác:
- Từ 9/1984-8/1998: Nhân viên Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Xích líp Đông Anh.
- Từ 9/1998-6/2002: Phó Quản đốc Phân xưởng Công Ty Xích líp Đông Anh.
- Từ 7/2002-9/2004: Quản đốc – Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Xích líp Đông Anh
- Từ 10/2004-11/2007: Giám đốc Xí nghiệp Phụ tùng –Công ty TNHH MTV Xích líp Đông Anh
- Từ 12/2007-6/2009: Phó Bí thư Đảng ủy – Giám đốc Xí nghiệp phụ tùng – Công ty TNHH MTV Xích líp Đông Anh
- Từ 7/2009-9/2017: Phó Bí thư Đảng ủy – Thành viên tổ quản lý vốn – Thành viên HĐQT – Giám đốc Xí nghiệp phụ tùng Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh.
- Từ 10/2017-nay: Phó Bí thư Đảng ủy – Thành viên HĐQT – Giám đốc Xí nghiệp phụ tùng Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 22.600 cổ phần

Ông Phạm Đức Hiếu
Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 13/12/1973
Trình độ văn hóa: 12/12
Qúa trình công tác:
- Từ 1999-2005: Nhân viên Phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xích líp Đông Anh
- Từ 2006-2008: Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Xích líp Đông Anh
- Từ 2009-9/2017: Ủy viên BCH Công đoàn Công ty – Thành viên tổ quản lý vốn – Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh
- Từ 10/2017-nay: Bí thư Chi bộ Kế toán - Ủy viên BCH Công đoàn Công ty – Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh.
Số lượng cổ phần nắm giữ: 28.800 cổ phần

Ông Nguyễn Minh Tuấn
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 21/3/1975
Trình độ văn hóa: 12/12
Qúa trình công tác:
- Từ 01/1998 – 06/1999: Công tác tại Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh
- Từ 07/1999 – 05/2004: Phó Bí thư Đoàn Công ty
- Từ 06/2004 – 06/2005: Nhân viên kinh doanh Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh
- Từ 07/2005 – 08/2008: Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty – Phó phòng kinh doanh
- Từ 09/2008 – 06/2009: Phó CNUBKT Đảng ủy Công ty – Phó Phòng kinh doanh
- Từ 07/2009 – 07/2013: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó CNUBKT Đảng ủy – Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty – Phó Phòng kinh doanh Công ty
- Từ 8/2013 – 01/2014: Thành viên Hôi đồng quản trị - Phó CNUBKT Đảng ủy Quyền Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty – Trưởng phòng Phòng Kinh doanh Công ty
- Từ 02/2014 – đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó CNUBKT Đảng ủy – Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty – Trưởng phòng Kinh doanh Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ: 315.600 cổ phần

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	Bà Trần Thị Việt Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	4.300	0,07%
2	Ông Phạm Hồng Trung	Thành viên BKS	600.000	10%
3	Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS	2000	0,03%

Bà Trần Thị Việt Hằng
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 01/11/1981
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường ĐH Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
Từ 10/2003-3/2006: UV BCH Đoàn Công ty – Bí thư chi đoàn Khối Văn phòng –Nhân viên kế toán – Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP Xích Líp Đông Anh.
Từ 3/2006 – 02/2009 : Thường vụ Đoàn Công ty – Bí thư chi đoàn Kỹ thuật sản xuất –Nhân viên kế toán – Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP Xích Líp Đông Anh.
Từ 3/2009 – 06/2009: Thường vụ Đoàn Công ty – Nhân viên kế toán – Phòng Kỹ thuật sản xuất – Công ty CP Xích Líp Đông Anh.
Từ 7/2009 – 10/2012 : Thành viên Ban kiểm soát – Thường vụ Đoàn Công ty – Nhân viên kế toán – Phòng Kỹ thuật sản xuất – Công ty CP Xích Líp Đông Anh
Từ 11/2012 – 03/2015 : Thành viên Ban kiểm soát – UV BCH Công đoàn Công ty – Nhân viên kế toán – Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP Xích Líp Đông Anh.
Từ 04/2015 – đến nay : Trưởng Ban kiểm soát – UV BCH Công đoàn Công ty – Nhân viên kế toán – Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP Xích Líp Đông Anh..
Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.300 cổ phiếu

Ông Phạm Hồng Trung
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 14/10/1969
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa Hà Nội + Đại học Ngoại thương
Quá trình công tác:
- Từ 2000 – 06/2009: Giám đốc Công ty TNHH Linh Trung ES
- Từ 07/2009 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh – Giám đốc Công ty TNHH Linh Trung ES.
Số lượng cổ phần nắm giữ: 600.000 cổ phiếu

Bà Nguyễn Thị Mùi
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 6/08/1979
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Quốc gia Hà Nội – Khoa quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
- Từ 2003-1/2015: Nhân viên kế toán Phòng Tổng hợp Xí nghiệp phụ tùng – Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh
- Từ 02/2015-03/2015: Phó phòng phụ trách chung Phòng Tổng hợp - Xí nghiệp phụ tùng – Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh
- Từ 04/2015-đến nay: Thành viên Ban kiểm soát – Trưởng phòng phụ trách chung phòng Tổng hợp – Xí nghiệp phụ tùng thuộc Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh
Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phiếu

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc	178.200	2,97%
2	Ông Phùng Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	71.300	1,188%
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Xí nghiệp phụ tùng	22.600	0,377%
4	Ông Ngô Vĩnh Tĩnh	Phó Tổng giám đốc	5.900	0,098%
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng giám đốc	7.100	0,12%
6	Ông Phạm Đức Hiếu	Kế toán trưởng	29.000	0,48%

Ông Ngô Vĩnh Tĩnh
Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 25/12/1978
Trình độ văn hóa: 12/12
Quá trình công tác:
Từ 8/2001-10/2002: Cán bộ kỹ thuật Công ty cơ khí Đông Anh
Từ 10/2002-05/2005: Kỹ sư Công ty TNHH A.K Việt Nam
Từ 09/2005-2007: Kỹ sư cơ khí P.KTSX Công ty Xích líp Đông Anh
Từ 2007-2009: Phó phòng thiết bị đầu tư – Công ty CP Xích líp Đông Anh.
Từ 2009-05/2010: phụ trách chung Phòng Thiết bị đầu tư – Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh.
Từ 05/2010-03/2015: Trưởng Phòng Thiết bị đầu tư – Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh.
Từ 04/2015-09/2015: Đảng ủy viên – Trưởng Phòng Thiết bị đầu tư – Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh.
Từ 10/2015-nay: Đảng ủy viên – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xích líp Đông Anh.
Số lượng cổ phần nắm giữ: 5.900 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 16/06/1976
Trình độ văn hóa: 12/12
quá trình công tác:
Từ 6/2000-5/2006: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cp Xích líp Đông Anh
Từ 6/2006-9/2014: Phó phòng Tổ chức hành chính, Ủy viên BCH Công đoàn, trưởng Ban nữ CTCP Xích líp Đông Anh
Từ 10/2014-28/11/2016:Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Cổ Phần Xích líp Đông Anh
Từ 29/11/2016-nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Xích líp Đông Anh
Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.100 cổ phần

Ông Phan Tấn Bình (đã nêu ở trên)

Ông Phùng Quang Hải (đã nêu ở trên)

Ông Nguyễn Thanh Tùng đã nêu ở trên (đã nêu ở trên)

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh đã phát hành 6.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 6.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 6.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0
2	Cổ đông sáng lập	0	0
	- Trong nước		
	- Nước ngoài		
3	Cổ đông lớn (sở hữu >=5% vốn cổ phần)		
	- Trong nước	4.053.800	68%
	- Nước ngoài	0	0
4	Cổ đông khác		
	- Trong nước	1.946.200	32%
	- Nước ngoài	0	0

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước			
	- Tổ chức	600.000	1	10%
	- Cá nhân	5.400.000	753	90%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0

Bảng danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Minh Tuấn	012095985	Tổ 21 – Thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP.Hà Nội	315.600	5,26%
2	Công ty TNHH Linh Trung ES	0900232860	Xã Lạc Đạo – Văn Lâm – Hưng Yên	600.000	10%
3	Lưu Văn Long	12095985	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	450.000	7,500%
4	Đặng Thế Nguyện		Xóm Trong, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	1.450.425	24,174%
5	Phan Thị Hảo		Xóm trong, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	665.000	11,083%
6	Bạch Quốc Trung		Nhà A33 tập thể TW Đoàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	572.775	9,546%

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

Lịch sử tăng vốn: Công ty không có đợt tăng vốn nào kể từ khi thành lập

Lịch sử tăng vốn: Công ty không có đợt tăng vốn nào kể từ khi thành lập

STT	Chỉ tiêu	Nội dung
1	Gía đầu năm	38.520 đồng
2	Gía cuối năm	53.400 đồng
3	Tăng trưởng cổ phiếu DFC	239%
4	Gía cao nhất	80.300 đồng
5	Gía thấp nhất	30.000 đồng
6	Khối lượng giao dịch bình quan ngày	0

(Nguồn: www.fpts.com.vn)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG IR

- Công ty tuân thủ đúng trình tự thủ tục tổ chức đại hội đồng: chốt danh sách cổ đông, công bố thông tin trước đại hội và sau đại hội
- Ngày 16/04/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh đã được tổ chức với sự tham gia của 53 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 4.740.400 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đã thông qua 10 nội dung biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% cho tất cả các nội dung.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông:

Ngày 16/04/2018, DFC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018. Thư mời họp, chương trình họp, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được DFC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên Website Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được đăng tải trên trang điện tử của Công ty.

Quy chế và thủ tục tổ chức đại hội, quy chế bầu cử tại đại hội đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông:

Điều lệ và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ hiện hành của Công ty đã đưa ra những nguyên tắc, trình tự đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông khi thực hiện quyền cổ đông. Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông 2018 quy định về việc trong trường hợp cổ đông không tham dự trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Các quy chế tổ chức đại hội và quy chế bầu cử được thông qua ngay tại đại hội và được đăng tải trên mục thông tin cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biểu quyết tại đại hội:

Tại đại hội cổ đông ngày 16/04/2018, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và mục tiêu nhiệm vụ năm 2018 của Ban điều hành.
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017
- Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017
- Sửa đổi Điều lệ của Công ty
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và hiện đang lưu trữ ở mục Thông tin cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Tại DFC, Công ty xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế tại các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định. Tại chuyên mục Thông tin cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, quy chế quản trị, quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu Công ty cũng cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông như: Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo đề cử, ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ...tối thiểu 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

LỊCH CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2018

Tháng 01

- 15/1/2018: CBTT Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn.
- 16/1/2018: Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2017

Tháng 02

- 28/2/2018: Nghị quyết HĐQT Công ty Xích líp Đông Anh

Tháng 03

- 5/3/2018: TB ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ năm 2018
- 26/3/2018: (Thay đổi thời gian) Chương trình Đại hội Cổ đông năm 2018
- 30/3/2018:Báo cáo tài chính Công ty Xích líp Đông Anh 2017 đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán độc lập Công ty TNHH kiểm toán TTP

Tháng 04

- 2/4/2018: Tài liệu Đại hội đồng cổ đông 2018
- 6/4/2018: Báo cáo thường niên năm 2017
- 17/4/2018: Tài liệu sau ĐHĐCĐ năm 2018

Tháng 05

- 23/5/2018: Thông báo ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2017
- 23/5/2018: Công bố thông tin bất thường ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về nhân sự:
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh bao gồm 5 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
4	Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT

Về tổ chức các cuộc họp HĐQT:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 21 cuộc họp trực tiếp/ Các cuộc họp đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo ng-hiên cứu theo đúng Điều lệ của Công ty.
Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ dự họp tham dự
1	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	21	21/21
2	Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT	21	21/21
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	21	21/21
4	Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT	21	21/21
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	21	21/21

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2018:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/HĐQT-XLĐA	2/1/2018	Đánh giá kết quả SXKD quý 4/2017, mục tiêu SXKD quí 1/2018
2	02/2018/HĐQT-XLĐA	28/2/2018	Phê duyệt kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên 2018
3	03/2018/HĐQT-XLĐA	2/4/2018	Đánh giá kết quả SXKD quý 1/2018, mục tiêu SXKD quí 2/2018
4	04/2018/HĐQT-XLĐA	2/7/2018	Đánh giá kết quả SXKD quý 2/2018, mục tiêu SXKD quí 3/2018
5	05/2018/HĐQT-XLĐA	23/7/2018	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án vay vốn
6	06/2018/HĐQT-XLĐA	2/10/2018	Đánh giá kết quả SXKD quý 3/2018, mục tiêu SXKD quí 4/2018

Ngoài các phiên họp trên, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành giải quyết các vấn đề có liên quan đến định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, mua sắm tài sản phục vụ SXKD theo thẩm quyền, đồng thời chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, cụ thể như sau:
- Đầu tư xây dựng nhà xưởng 6000m2 đảm bảo điều kiện thuận lợi nhất cho sản xuất, tiến tới đáp ứng các điều kiện để trở thành nhà cung cấp phụ tùng ô tô.
- Cơ bản hoàn thành cải tạo và xây dựng mặt bằng toàn Công ty theo hướng hiện đại, đồng bộ, lâu dài.
- Đầu tư thiết bị hiện đại kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất, góp phần tăng hiệu quả sản xuất.
- Liên tục cải thiện điều kiện làm việc cho CBCNV.
- Đẩy mạnh việc quản trị mục tiêu, yêu cầu Ban điều hành kiểm soát chặt chẽ hoạt động tài chính và tiết kiệm chi phí để tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ công tác kiểm toán hàng năm.

Trong năm 2018, các thành viên HĐQT đã tham gia tương đối đầy đủ các phiên họp của HĐQT và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ, cụ thể:
- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty trong việc lập và thực hiện các chương trình công tác năm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, tổ chức họp, ban hành các Nghị quyết, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, giao nhiệm vụ cho các đơn vị phát huy chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền;
- Thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty, điều hành sản xuất kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chung của Công ty năm 2018.

Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014 đã bầu Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh nhiệm kỳ 2014-2019 gồm 03 thành viên:

1. Bà Trần Thị Việt Hằng
2. Ông Phạm Hồng Trung
3. Bà Nguyễn Thị Mùi

Ban kiểm soát đã họp kiện toàn và bầu bà Trần Thị Việt Hằng làm Trưởng ban.

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã lập quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, với trách nhiệm của mình, Ban kiểm soát đã có những hoạt động cụ thể như sau:

- Thực hiện giám sát thường xuyên công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính đảm bảo tính hợp pháp trong mọi hoạt động.
- Chỉ đạo thực hiện hoàn tất kế hoạch kiểm toán nội bộ năm, trong đó chú trọng đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát trong quá trình thực hiện các quy trình nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.
- Thực hiện xem xét các báo cáo hoạt động của HĐQT trước khi trình Đại hội đồng cổ đông, giám sát trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và giám sát chặt chẽ việc thực hiện những nội dung đã được thông qua Nghị quyết tại Đại hội.
- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát tiến hành họp nhằm kiểm điểm, nắm bắt kịp thời tình hình và triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao. Bên cạnh đó, đại diện Ban kiểm soát cũng đã tham dự họp đầy đủ các cuộc họp với HĐQT trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông để nắm bắt các nội dung, đề xuất các ý kiến với HĐQT. Ban kiểm soát tham gia lựa chọn công ty kiểm toán dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí hợp lý.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ¬¬ trong mỗi năm tài chính phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12 hàng năm với hệ thống kế toán thống kê đầy đủ, rõ ràng, các số liệu tài chính đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp và chính xác.

- Trong quản lý điều hành, các Quyết định của HĐQT luôn theo sát đúng với Nghị quyết của Đại hội cổ đông, phù hợp với thực tiễn, các thông tin được công khai, minh bạch. Việc kiểm tra, phê duyệt chi phí đầu tư, chi phí kinh doanh luôn cẩn trọng nhằm tăng năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông. Trong nhiệm kỳ, tổng giá trị đầu tư thiết bị 105,1 tỷ đồng; đầu tư mở rộng diện tích, xây dựng nhà xưởng trị giá 108,64 tỷ đồng nhằm quy hoạch mặt bằng toàn Công ty, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ và hiệu quả.

Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2014-2018:

Năm	Đơn vị tính	Doanh thu thuần			Lợi nhuận sau thuế		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành
2014	Tỷ đồng	940	993	105,63	31,2	34,5	110,57
2015	Tỷ đồng	985	1.201	121,92	34,3	36,2	105,53
2016	Tỷ đồng	1.050	1.267	120,66	34,3	34,3	100
2017	Tỷ đồng	1.270	1.400	1.400	24,5	23,7	96,73
2018	Tỷ đồng	1.350	1.413	1.413	24,5	25,2	102,85

Mặc dù vẫn còn những khó khăn nhất định như lộ trình giảm giá định kỳ 4% hàng năm, sự phụ thuộc vào các khách hàng lớn, những biến động của giá mua nguyên vật liệu, sự cạnh tranh về giá bán, công nghệ, chất lượng sản phẩm giữa các đối thủ cùng ngành nghề... nhưng với mục tiêu, chiến lược được đặt ra từ đầu nhiệm kỳ, và nhờ sự triển khai quyết liệt, đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của HĐQT, ban điều hành, doanh thu của chúng ta luôn vượt mục tiêu đề ra, năm sau luôn cao hơn năm trước. Điều đó cũng thể hiện sự đoàn kết, gắn bó, sự năng động, sáng tạo, liên tục cải tiến quy trình công nghệ sản xuất và sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể các cổ đông.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT

- Trong nhiệm kỳ, các thành viên HĐQT, Ban điều hành, cán bộ quản lý đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các chỉ đạo kịp thời trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của Pháp luật.
- Ban kiểm soát nhất trí cao với các chủ trương, chính sách, quy định và quyết định của Công ty. Tất cả đều mang tính đồng thuận, đúng đắn, kịp thời và phù hợp với tình hình của thực tiễn.
- Ban kiểm soát nhất trí với bản báo cáo, tờ trình của HĐQT, Ban điều hành trình tại Đại hội. Báo cáo của HĐQT, Ban điều hành đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo, điều hành của Công ty và những kết quả đã đạt được trong các năm qua.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, CỔ ĐÔNG

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, Ban điều hành trong việc xây dựng các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật và vì lợi ích chung của Công ty.
HĐQT đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin và luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin và đưa ra được những tư vấn kịp thời. Các phiên họp định kỳ của HĐQT, UBKT và một số cuộc họp quan trọng khác đều có sự tham dự của Ban kiểm soát.
Đối với cổ đông: Trong cả nhiệm kỳ, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, tố cáo bằng văn bản của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019 - NHIỆM KỲ TIẾP THEO VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH:

Trong nhiệm kỳ 2014-2019, kinh tế thế giới và trong nước vẫn tiếp tục có những biến động, khủng hoảng ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Tuy nhiên dưới sự lãnh chỉ đạo kịp thời, linh hoạt của HĐQT, Ban điều hành, sự chung sức, chung lòng của toàn thể CBCNV, Công ty đã có những bước thay đổi đáng ghi nhận và mang tính bền vững. Các chỉ tiêu đặt ra luôn hoàn thành vượt mức, nguồn vốn bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.
Nhận thấy khó khăn trước mắt còn nhiều, nhưng với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty năm 2019 và nhiệm kỳ tiếp theo, Ban kiểm soát hoàn toàn nhất trí, tin tưởng vào sự lãnh chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành và các CBQL.
Song song với đó, Ban kiểm soát xin được đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2019 và kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành như sau:

Phương hướng nhiệm vụ năm 2019 và nhiệm kỳ tiếp theo:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản trị và điều hành.
- Tham mưu, tư vấn HĐQT, Ban điều hành trong việc hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty.
- Phối hợp với Ban điều hành, Cán bộ quản lý thực hiện thanh tra nghiệp vụ định kỳ tại các đơn vị, phòng ban chức năng, tạo hệ thống làm việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

Kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Có chiến lược đầu tư thích hợp, khai thác mạnh các thị trường tiềm năng, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục cải tiến công tác quản lý chất lượng, quản lý thiết bị nhằm tăng cường sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế.
- Cần có hệ thống đánh giá nhân viên, hoạch định và tinh gọn bộ máy quản lý nhằm nâng cao hiệu quả trong công việc, chất lượng nguồn nhân lực.
- Tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tham gia các khóa học trau dồi thêm trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm tuân thủ chặt chẽ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thực tiễn.

GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

STT		Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Hội đồng quản trị	Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	2.000.000đ/tháng
		Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	1.500.000 đ/tháng
		Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc – giám đốc xí nghiệp	1.500.000 đ/tháng
		Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán	1.500.000 đ/tháng
		Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – Trưởng Phòng kinh do-anh	1.500.000 đ/tháng
				Tổng: 8.000.000đ/tháng
2	Ban kiểm soát	Trần Thị Việt Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	1.500.000đ/tháng
		Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên Ban kiểm soát	800.000đ/tháng
		Ông Phạm Hồng Trung	Thành viên Ban kiểm soát	800.000đ/tháng
				Tổng: 3.100.000đ/tháng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Tên người nội bộ	Chức vụ		Hình thức	Số lượng	Số cổ phiếu trước giao dịch	Số cổ phiếu sau giao dịch	Tỷ lệ sau giao dịch
	Quan hệ	Chức vụ					
Phạm Đức Hiếu		Thành viên HĐQT	Mua	900	27.900	28.800	0,48%

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:
- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ Công bố thông tin, xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin theo thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Rà soát, xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và thông tư 95/2017/TT-BTC Điều lệ mẫu, quy chế quản trị mẫu.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã ứng dụng một số phần mềm công nghệ vào hoạt động quản trị Công ty và vẫn đang tiếp tục nghiên cứu, nâng cấp để làm sao có thể áp dụng công nghệ thông tin vào trong mọi hoạt động quản trị của Công ty giúp tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả hoạt động.

Chỉ tiêu	Tình hình thực hiện năm 2018
1. Quản trị tài chính – kế toán	Công ty có sử dụng phần mềm tài chính kế toán, hiệu quả sử dụng tốt
2. Quản trị nhân sự	Công ty có sử dụng phần mềm quản lý nhân sự, hiệu quả sử dụng tốt
3. Quản trị quan hệ khách hàng	Công ty đã có quy trình quản lý khách hàng, chưa có phần mềm quản lý.
4. Hệ thống quản trị khác	Công ty có sử dụng phầm mềm quản lý sản xuất, quản lý kho, hiệu quả sử dụng tốt.

Về đào tạo về quản trị Công ty:Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc lên kế hoạch tham dự đầy đủ các khóa học, tập huấn về quản trị Công ty do Uỷ ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức.
Về quan hệ nhà đầu tư, Công ty thực hiện nâng cấp website www.xichlipda.vn để có thể cung cấp thông tin kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư, khách hàng đối tác.

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp)

HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG 50001:2011

Hiện nay, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một trong những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Thiết lập, áp dụng và duy trì Hệ thống Quản lý Năng lượng theo Tiêu chuẩn ISO 50001:2011 được coi là giải pháp hữu hiệu cho vấn đề quản lý năng lượng tại DFC. Thông qua việc đưa ra các yêu cầu đối với một Hệ thống Quản lý Năng lượng, Tiêu chuẩn ISO 50001:2011 góp phần quan trọng trong việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm và hiệu quả, do đó mang lại những lợi ích đáng kể cho Công ty.

Plan (Lập kế hoạch):
Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiêu thụ năng lượng và thiết lập các chỉ số hoạt động năng lượng, mục tiêu, chỉ tiêu, các thủ tục kiểm soát và kế hoạch hành động cần thiết nhằm đạt được cam kết trong chính sách năng lượng và cải tiến hoạt động quản lý năng lượng tại Công ty

Do (Thực hiện):
Tiến hành thực hiện các thủ tục, kế hoạch hành động về quản lý năng lượng đã được thiết lập.

Check (Kiểm tra):
Giám sát và đo lường các quá trình và các yếu tố cơ bản của các hoạt động tác nghiệp, giúp xác định các kết quả cụ thể của hoạt động quản lý năng lượng trong Công ty, chứng tỏ sự phù hợp với chính sách năng lượng và các mục tiêu năng lượng được thiết lập.

Act (Hành động):
Thực hiện các hành động cần thiết nhằm cải tiến liên tục hoạt động năng lượng và Hệ thống Quản lý Năng lượng của Công ty.

Tiêu chuẩn ISO 50001:2011đưa ra khuôn khổ các yêu cầu, giúp tổ chức:
- Thiết lập, thực hiện và duy trì chính sách nhằm sử dụng năng lượng một cách hiệu quả hơn;
- Thiết lập các mục tiêu, chỉ tiêu nhằm hướng tới chính sách sử dụng năng lượng hợp lý và hiệu quả đã cam kết;
- Xác định các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác cần tuân thủ;
- Sử dụng các số liệu thu thập được để phân tích và đưa ra các quyết định liên quan tới tiêu thụ năng lượng tại doanh nghiệp;
- Đo lường các kết quả, kiểm kê tiêu thụ năng lượng cho các hoạt động, bao gồm cả việc tiêu thụ năng lượng trong quá khứ, hiện tại và tương lai;
- Xem xét tính hiệu lực và hiệu quả của chính sách đã cam kết;
- Cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Năng lượng.

Áp dụng Hệ thống Quản lý Năng lượng theo Tiêu chuẩn ISO 50001:2011 giúp doanh nghiệp đánh giá mức tiêu thụ và sử dụng năng lượng hiện tại, tìm kiếm các giải pháp cải tiến nhằm sử dụng một cách tốt hơn các thiết bị sử dụng năng lượng hiện tại, giúp nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng của các máy móc, thiết bị do đó giảm mức năng lượng được sử dụng và giảm được chi phí đáng kể cho doanh nghiệp. Ngoài ra, thông qua việc thiết lập và áp dụng các thủ tục kiểm soát điều hành liên quan tới sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, ISO 50001:2011 còn giúp doanh nghiệp tránh được các khoản tiền phạt theo các chế tài xử lý vi phạm trong việc sử dụng năng lượng. Bên cạnh đó, với mục đích sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm và hiệu quả , ISO 50001:2011 còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tiến quản lý năng lượng đối với các dự án giảm phát thải khí nhà kính.

Về mặt thị trường, Hệ thống Quản lý Năng lượng được chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn ISO 50001:2011 tạo cơ hội cho việc quảng bá, đồng thời đây cũng là công cụ cho doanh nghiệp vượt qua hàng rào kỹ thuật thương mại và giúp nâng cao hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng và cộng đồng, do đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và cơ hội cho việc mở rộng thị trường, bao gồm cả việc gia nhập thị trường quốc tế.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2015

Ngành cơ khí chế tạo nước ta thời gian qua có bước phát triển nhanh chóng. Nhưng thực tế cho thấy các doanh nghiệp cơ khí trong nước ta lại gặp rất nhiều khó khăn trước yêu cầu phải liên tục đổi mới công nghệ. Các doanh nghiệp phải tự vượt qua khó khăn bằng chính năng lực của mình và Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh là một ví dụ điển hình. Với hướng đi đúng đắn trong công tác quản lý chất lượng, Công ty không ngừng phát triển trong những năm qua và nhận được nhiều bằng khen của Đảng và Nhà nước. Các hệ thống quản lý chất lượng được áp dụng tại doanh nghiệp hiện nay:

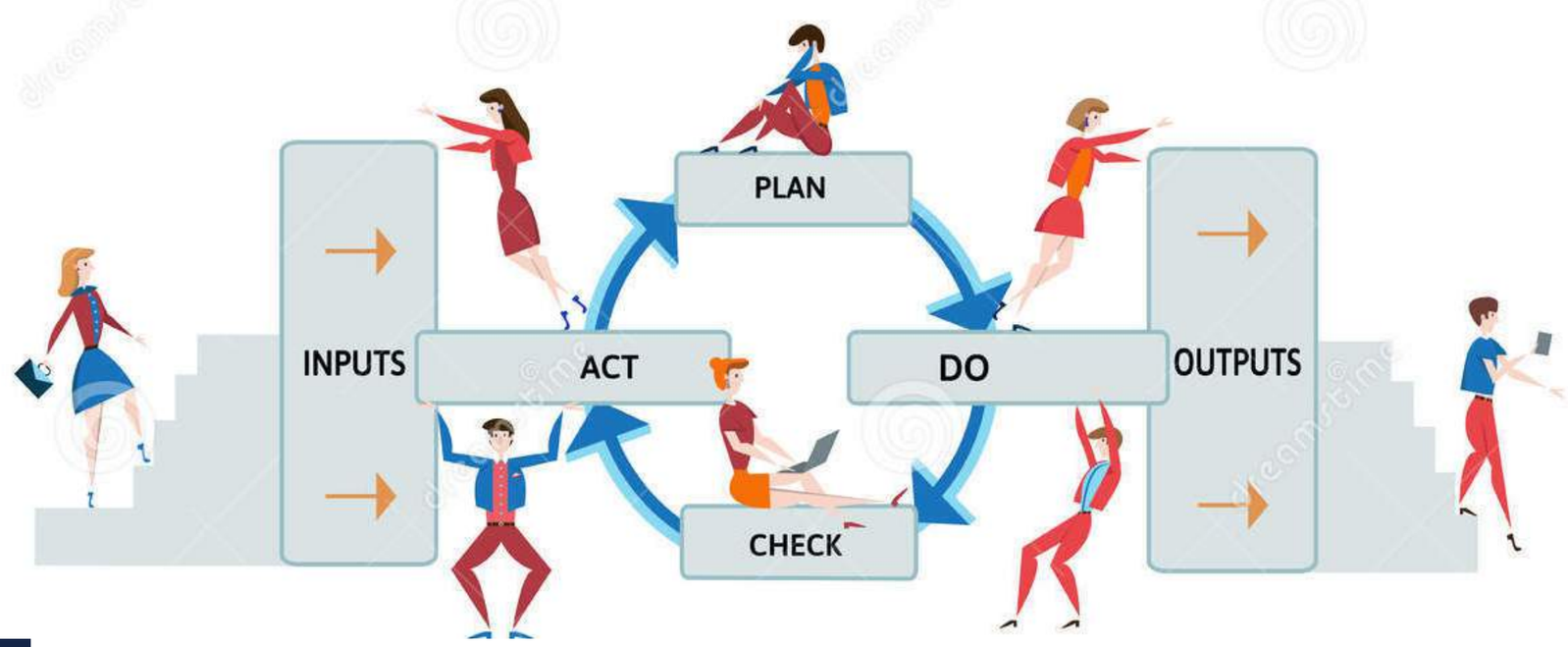

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ tốt nhất đến khách hàng và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
- Thường xuyên xem xét nguồn lực để đầu tư công nghệ và đào tạo nhân viên về chất lượng sản phẩm, bảo vệ, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và tái sử dụng nguồn tài nguyên.
- Nắm bắt chính xác, hạn chế tối đa ảnh hưởng và tác động đến môi trường trong các hoạt động của Công ty. Nỗ lực hoàn thành mục tiêu chất lượng, chỉ tiêu môi trường đã đề ra. Đồng thời điều chỉnh phù hợp với các yêu cầu thực tế.

NGUỒN LỰC

Công ty đã soạn thảo và ban hành các bảng mô tả công việc, các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của nhân viên đối với Công ty; triển khai các khóa huấn luyện, đào tạo định hướng; truyền đạt qua các phương tiện thông tin như mạng nội bộ, bản tin; hướng dẫn công nhân viên thực hiện nghiêm túc các sứ mệnh và chính sách của Công ty.

TRIỂN KHAI SẢN XUẤT

Công ty kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch sản xuất thông qua phòng Kỹ thuật sản xuất. Phòng Kỹ thuật sản xuất có nhiệm vụ đôn đốc các đơn vị tăng cường sản xuất, yêu cầu các đơn vị khác hỗ trợ …Bên cạnh đó, luôn theo dõi và đánh giá mức độ hoàn thành công việc về chất lượng và tiến độ thực hiện sản xuất, lập báo cáo thống kê vào cuối tuần, như vậy luôn đảm bảo được việc kiểm soát sản xuất trong Công ty. Vào ngày 03 của tháng sau, phòng Kỹ thuật sản xuất có trách nhiệm tổng hợp đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch tháng trước của các đơn vị trước cuộc họp giao ban, điều chỉnh và ban hành kế hoạch sản xuất tháng lần 2 để các đơn vị thực hiện. Cuối mỗi quy, năm, thủ kho các đơn vị thực hiện kiểm kê số lượng theo mẫu báo cáo, thống kê các đơn vị căn cứ vào đó để lập bảng quyết toán vật tư nộp cho phòng Kỹ thuật sản xuất.

KHẮC PHỤC, PHÒNG NGỪA, CẢI TIẾN

Tất cả những sự không phù hợp từ thông tin khách hàng hay được tìm thấy trong quy trình sản xuất đều được yêu cầu thực hiện hành động khắc phục phòng ngừa nhằm loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp hay nguyên nhân của sự không phù hợp tiềm ẩn để đảm bảo điều đó không xảy ra lặp lại hoặc ngăn ngừa sự xuất hiện của chúng. Công ty đề ra đầy đủ và cụ thể các quy trình khắc phục, phòng ngừa cũng như cải tiến sản phẩm trong quá trình sản xuất.

KHIẾU NẠI CỦA KHÁCH HÀNG

Trong quá trình sản xuất không thể tránh khỏi việc sản phẩm của Công ty mắc lỗi cũng như không đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Do đó, Công ty đã lập ra thủ tục khiếu nại của khách hàng. Mục đích là ghi lại phản hồi và nhanh chóng giải quyết vấn đề một cách nhanh nhất cho khách hàng. Công ty đã lập ra QT15 về Quy trình Xử lý khiếu nại của khách hàng, cùng với đó là đơn khiếu nại, đơn phản hồi của Công ty và bảng theo dõi khiếu nại của khách hàng. Với việc lập ra một quy trình rõ ràng như vậy sẽ giúp việc giải quyết các vấn đề của khách hàng được nhanh và chính xác, tạo lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 14001:2015

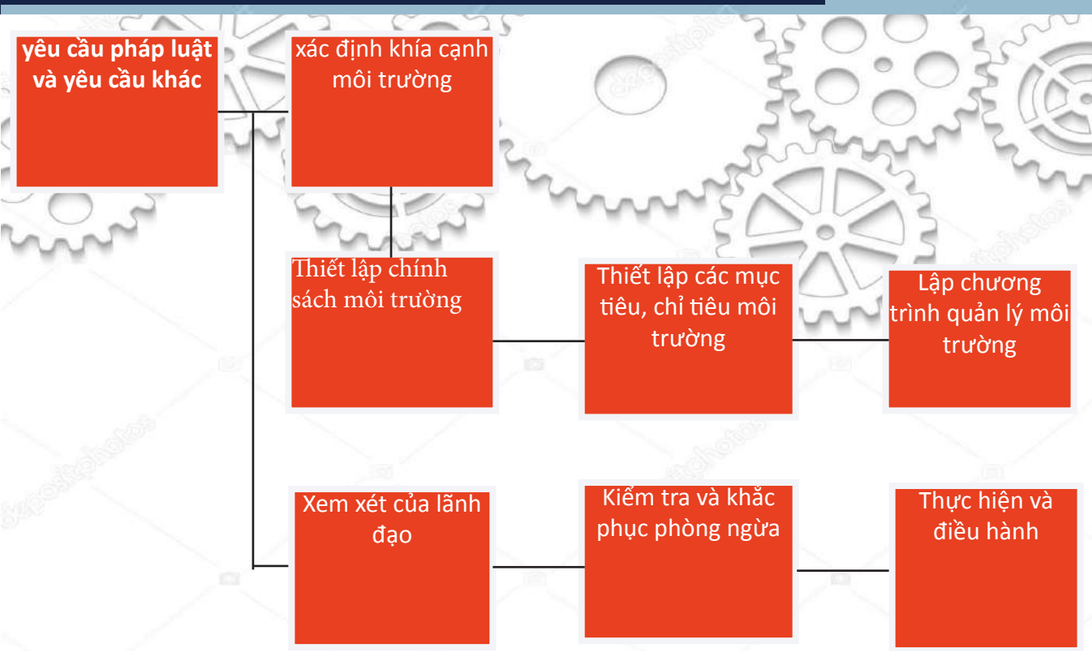

Hình: Sơ đồ vận hành quản lý môi trường trong hệ thống

SỬ DỤNG ĐIỆN SẢN XUẤT

Hiện nay, việc lãng phí điện năng trong các Công ty sản xuất luôn là một vấn đề đau đầu đối với các nhà quản lý. Bản thân Công ty Xích líp Đông Anh là một doanh nghiệp sản xuất sử dụng điện năng trong hầu hết các quá trình sản xuất do đó Công ty luôn đề ra mục tiêu giảm lượng điện tiêu thụ của năm sau thấp hơn so với năm trước, và để thực hiện mục tiêu này thì Công ty đã đề ra các biện pháp cơ bản sau:

- Thay mới các đường dây cũ nát trong tất cả các phân xưởng
- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị điện trong sản xuất
- Tắt máy ngay khi không có nhu cầu sản xuất hoặc lúc nghỉ ngơi khi chờ sản xuất
- Phổ biến các quy định này tới tất cả các công nhân trong phân xưởng bằng cách dán thông báo quy định lên bảng hoặc trao đổi trực tiếp
- Sử dụng hợp lý các bóng đèn chiếu sáng trong phân xưởng
- Tuân thủ thời gian làm việc và nghỉ ngơi đã được quy định
- Hạn chế sử dụng các thiết bị không cần thiết vào giờ cao điểm
- Thay hệ thống bóng đèn tiết kiêm năng lượng nếu có.

QUÁ TRÌNH XỬ LÝ RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP TỪ CÁC PHÂN XƯỞNG

Mục tiêu của Công ty là phân loại quản lý rác thải từ đầu nguồn tại các phân xưởng và giảm lượng dầu công nghiệp thải, rác thải và nước thải ra ô nhiễm đất. Công ty có các biện pháp cơ bản sau:

- Cấp phát thùng đựng rác thải nguy hại và thùng đựng rác thải thông thường cho các phân xưởng sản xuất
- Tuân thủ đúng quy trình công nghệ sản xuất
- Đào tạo ý thức cho người lao động trong khi tham gia vào dây chuyền sản xuất
- Thu gom lượng dầu thải ra từ công nghệ sản xuất và tập trung tái sử dụng hoặc tái chế
- Định kỳ vệ sinh tất cả các phân xưởng để tránh dầu thấm lâu ô nhiễm đất
- Thu gom lượng dầu thải ra từ công nghiệp sản xuất về bể chứa dầu thải của Công ty.

KIỂM SOÁT CHỈ TIÊU Ô NHIỄM NƯỚC THẢI

- Đào tạo cho người vận hành phương pháp vận hành và quản lý Hệ thống nước thải.
- Phân tích định kỳ và đánh giá mức độ ô nhiễm để kiểm soát ô nhiễm nước
- Duy trì hệ thống thường xuyên

QUẢN TRỊ RỦI RO

Với xu hướng toàn cầu hóa cùng với việc Việt Nam tham gia sâu rộng các hiệp định đối tác kinh tế trên thế giới đã giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội mở của hàng hóa của mình ra ngoài phạm vi lãnh thổ. Tuy nhiên việc này cũng làm cho các doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh gay gắt hơn để duy trì thị phần, doanh thu của họ khi mà sự thâm nhập của các doanh nghiệp FDI với tiềm lực kinh tế lớn mạnh đã và đang thâm nhập vào thị trường nội địa, Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh cũng không ngoại lệ khi mà DFC đang phải cạnh tranh gay gắt với những doanh nghiệp lớn trong nước. Bên cạnh đó những khó khăn về nguồn nguyên vật liệu, lao động chất lượng cao, ảnh hưởng của các chính sách vĩ mô của Chính phủ là những rủi ro mà doanh nghiệp đã và đang phải đối mặt. DFC đã tự đặt ra quy trình quản trị rủi ro và quản trị rủi ro theo cấp từ thực tiễn mà doanh nghiệp đã trải qua sau gần 45 năm hoạt động như sau:

QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn gắn chặt với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp . Vì thế việc quy phân rõ trách nhiệm cho từng cấp là điều cần thiết để mỗi cấp quản lý có trách nhiệm với công việc thuộc nghĩa vụ của họ. Tại DFC, chúng tôi thực hiện phân cấp trách nhiệm theo chiều dọc nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

01 Hội đồng quản trị: Có trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý Công ty. Thiết lập các khung quản trị rủi ro, chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro và quản trị rủi ro một cách hiệu quả.

02 Ban giám đốc: Có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro, đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ liên quan, tạo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

03 Các phòng ban: Có trách nhiệm thực hiện quản trị rủi ro có liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của phòng, định kỳ đánh giá và báo cáo với cấp trên về tình hình quản trị rủi ro.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI DFC

Quy trình quản tri rủi ro của DFC được xây dựng một cách đồng nhất và rõ ràng nhằm đảm bảo công tác quản trị và hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

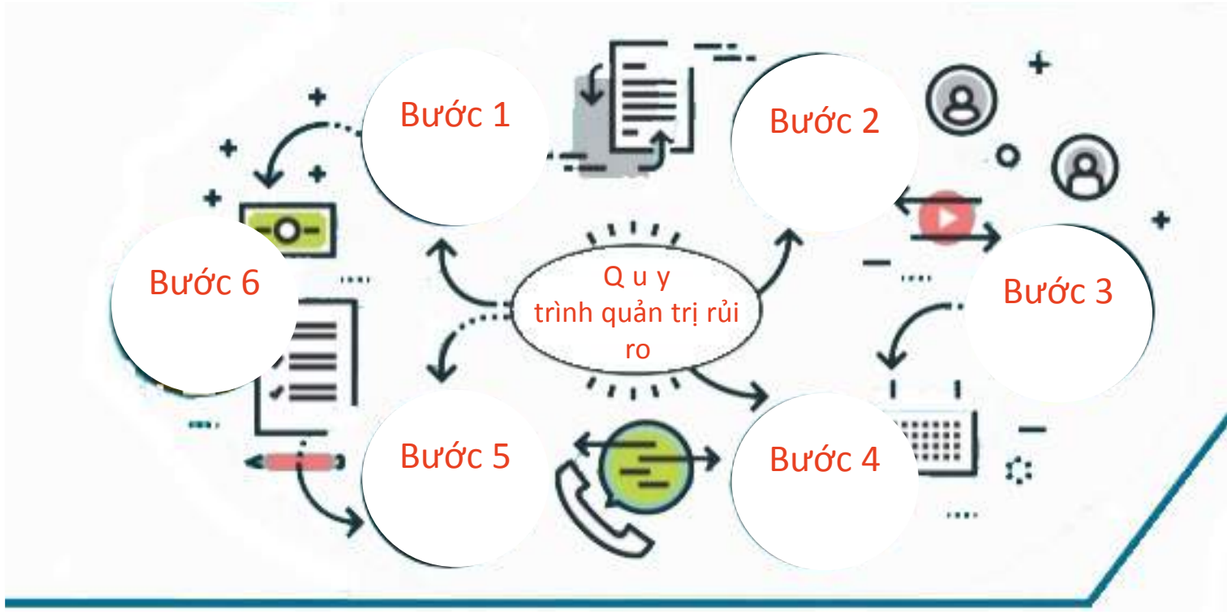

Bước 1: Xác định bối cảnh của Công ty

Bước 2: Xác định các rủi ro gặp phải, có thể ảnh hưởng đến việc hoàn thành các mục tiêu của Công ty

Bước 3: Đánh giá và đo lường các rủi ro và xác định đâu là rủi ro chủ yếu mà Công ty gặp phải

Bước 4: Đưa ra cách thức xử lý và ứng phó phù hợp nhất đối với từng loại rủi ro

Bước 5: Giám sát quá trình quản lý rủi ro

Bước 6: Định kỳ báo cáo lên các cấp quản lý

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp)

CÁC RỦI RO GẶP PHẢI VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Thông qua việc phân tích môi trường kinh doanh mà Công ty đang hoạt đông cùng với việc thống kê các số liệu lịch sử, DFC đã xác định những rủi ro trọng yếu mà Công ty phải quản lý chặt chẽ bao gồm cả những rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống:

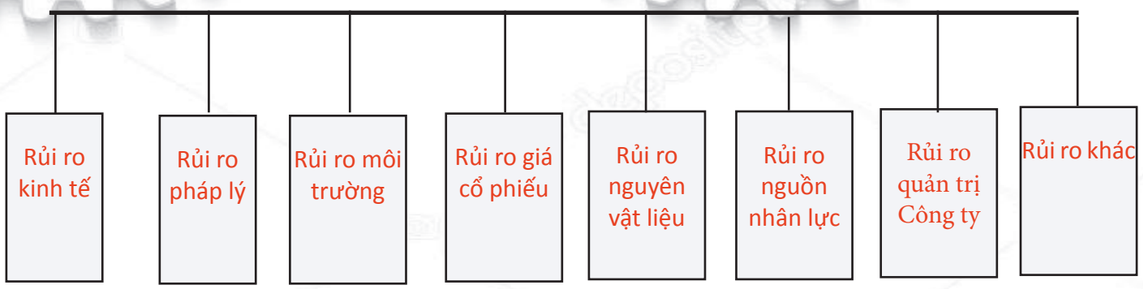

RỦI RO KINH TẾ

Sự phát triển của một nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố trên có ảnh hưởng không nhỏ và tác động mang tính hệ thống đến toàn bộ nền kinh tế. Do đó, sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam:

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới.

Năm 2014, với mức tăng trưởng GDP 5,98%, Việt Nam đã chính thức trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 02 thế giới sau Trung Quốc. Đến năm 2015, Việt Nam đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP 6,68%, vượt qua mục tiêu 6,2% của Chính phủ. Bước sang năm 2016, dù không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,8% nhưng tốc độ tăng trưởng GDP 6,21% cho thấy Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất Châu Á. Năm 2016 là năm khởi đầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Đây cũng là năm khởi đầu một tiến trình hội nhập mới khi hàng loạt cam kết hội nhập có hiệu lực. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với giới doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp phụ trợ, trong đó có Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh. Năm 2017, nền kinh tế phản ánh kết quả tốt trong các ngành xuất khẩu, nhu cầu trong nước và ngành nông nghiệp đang từng bước phục hồi. Lạm phát thấp và lòng tin của người tiêu dùng được giữ vững khiến cho tiêu dùng ở khu vực tư nhân tăng lên, và hoạt động đầu tư lại được hỗ trợ bởi dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài kết hợp với tăng trưởng tín dụng cao. Năm 2018 kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

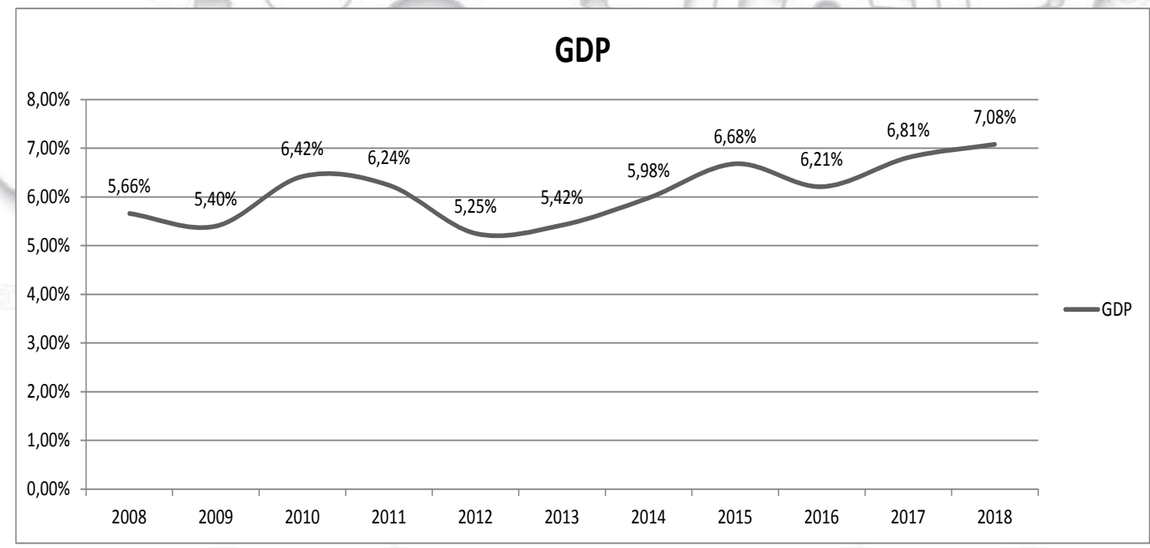

Lãi suất

Để thực hiện sản xuất, ngoài vốn tự có và vốn huy động qua các hình thức phát hành chứng khoán, hầu hết các doanh nghiệp đều phải sử dụng đến nguồn vốn tín dụng của ngân hàng tuy nhiên việc vay vốn của ngân hàng không hoàn toàn dễ dàng cho các doanh nghiệp. Mặt khác, khi nền kinh tế xảy ra lạm phát cao, Nhà nước buộc phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất cho vay thì các doanh nghiệp lại càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Do đó, nhân tố lãi suất cũng có tác động không nhỏ đến hoạt động của doanh nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục thống kê thống kê về tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 thì lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11% đối với trung và dài hạn. Tuy nhiên rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến Công ty nhiều vì lãi suất các khoản vay ngắn hạn, dài hạn trong năm vừa qua khá là thấp dao động từ 5,8% đến 8,6%.

Lạm phát:

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí chế tạo, trong đó có Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp và làm gia tăng các chi phí đầu vào, bao gồm chi phí nhân công và các chi phí khác. Lạm phát cơ bản bình quân của năm 2017 là 3,53% và lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017. Để giảm thiểu rủi ro lạm phát đối với hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh thường xuyên cập nhật, chủ động dự báo sớm thời điểm phát sinh nhu cầu vốn, tăng cường công tác kiểm soát định mức chi phí, tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất. Điều này góp phần duy trì biên lợi nhuận ở mức hiệu quả và làm giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể phát sinh gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tỷ giá hối đoái:

Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nếu tỷ giá gia tăng thì chi phí đầu vào của Công ty cũng sẽ tăng theo trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty vì nguyên liệu đầu vào của Công ty là Thép một phần được nhập khẩu từ nước ngoài.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro về luật pháp phát sinh khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của Công ty, và chiến lược phát triển ngành công nghiệp phụ trợ trong nước và thế giới. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản dưới luật liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định nói trên cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, ban điều hành Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh đã liên tục cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các rủi ro phát sinh theo hướng tiêu cực, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

RỦI RO VỀ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh là đơn vị chuyên sản xuất phụ tùng cho xe máy, xe đạp với nguyên liệu đầu vào chính là thép. Hiện nguyên phụ liệu cho ngành cơ khí chủ yếu là sắt thép và các loại hợp kim màu, tuy nhiên, hầu hết các nguyên phụ liệu nảy trong nước chưa sản xuất được buộc phải nhập khẩu. Năm 2018, chứng kiến một năm đầy biến động của ngành thép khi mà chủ nghĩa bảo hộ gia tăng bắt đầu từ việc Mỹ áp thuế nhập khẩu thép lên tới 25% ; điều này gây xáo trộn đến rất nhiều doanh nghiệp đặc biệt những doanh nghiệp cần nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất ra sản phẩm là thép. Năm 2018, giá thép đầu vào của Công ty tăng từ 3-5%. Nắm bắt được những khó khăn đó, Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng phục vụ cho sản xuất chính xác và kiểm soát được giá cả, chủ động trong việc tìm kiếm những nhà cung cấp nguyên vật liệu uy tín bảo đảm đáp ứng được nhu cầu sản xuất với giá thành hợp lý.

RỦI RO GIÁ CỔ PHIẾU

Công ty phát hành cổ phiếu nhằm huy động vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh. Giá cổ phiếu trên thị trường phụ thuộc rất lớn vào tình hình tài chính của công ty cũng như triển vọng phát triển của ngành. Bên cạnh đó không thể không kể đến tâm lý của các nhà đầu tư cũng như biến động của nền kinh tế vĩ mô không chỉ trong nước mà bao gồm cả những thay đổi của các nước lớn trên thế giới. Do vậy doanh nghiệp chỉ có thể làm tốt công việc kinh doanh của mình còn về những yếu tố như tâm lý nhà đầu tư doanh nghiệp không thể kiểm soát được. Do đó doanh nghiệp luôn thực hiện tốt việc công bố thông tin với Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán để đảm bảo tâm lý các nhà đầu tư không bị xáo động quá mạnh.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ô nhiễm môi trường, khí thải là điều không thể tránh khỏi của nền công nghiệp sản xuất thép cũng như công nghiệp cơ khí. Bởi nếu các chất thải trong quá trình sản xuất sản phẩm không được xử lý theo đúng quy trình sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đất đai, nguồn nước. Một ví dụ điển hình là vụ việc Formusa Hà Tĩnh xả thải làm cá chết hàng loạt ở Miền Trung. Các rủi ro xuất phát từ môi trường tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất cũng như vận hành của Công ty nhưng nó lại là yếu tố gián tiếp tác động đến sản lượng cũng như nguồn nguyên liệu đầu vào trên thị trường. Do đó, tính về lâu dài thì môi trường luôn là yếu tố được quan tâm hơn cả, đáp ứng các tiêu chí đặt ra về môi trường của cả xã hội cũng như yêu cầu đặt ra của Chính phủ sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho Công ty trong hoạt động về sau.

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh hoạt động với nhiều phân xưởng sản xuất và sản phẩm sản xuất ra cần độ đẹp, độ chính xác cao do vậy đào tạo được đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao đáp ứng được yêu cầu công việc là điều hết sức cần thiết chưa kể đến xu hướng di chuyển lao động tay nghề cao giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Nhận thức được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tay nghề cao là yếu tố quyết định mang lại thành công cho doanh nghiệp, Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh luôn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên theo đúng mục tiêu đã đặt ra thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp và trình độ quản lý. Đồng thời, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ thoả đáng cũng như quan tâm chăm sóc đời sống tinh thần để tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực cá nhân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp. Với chiến lược đó, Công ty đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề cao, đáng tin cậy và gắn bó lâu dài để thực hiện các mục tiêuphát triển.

RỦI RO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Rủi ro xuất phát từ quản trị kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống…Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội nộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,…Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Điều đó có được một phần không nhỏ là nhờ sự đồng lòng và thống nhất trong phương hướng chỉ đạo từ ban điều hành Công ty, vốn là các thành viên đã có nhiều năm làm việc cùng nhau và đều gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập. Vì vậy rủi ro về quản trị công ty là không lớn.

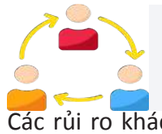

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh… Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người và tài sản của Công ty. Trong số các rủi ro được đề cập, rủi ro an toàn lao động là loại hình rủi ro thường trực nhất đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này do đặc thù có nhiều máy móc, hóa chất dễ gây sát thương nếu không cẩn thận trong quá trình làm việc. Vì vậy, công ty luôn chú trọng trang bị cho công nhân trong phân xưởng đảm bảo đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân nhằm giảm thiểu các tai nạn lao động đáng tiếc có thể xảy ra. Bên cạnh đó các rủi ro cháy nổ cũng không thể bỏ qua vì trong phân xưởng có nhiều vật dễ bắt lửa. Vì vậy, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà máy luôn được ban lãnh đạo của Xích líp Đông Anh đặt lên hàng đầu. Không chỉ trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy, Công ty còn quan tâm đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng chữa cháy cũng như thoát nạn cho người lao động. Công ty đã thành lập đội chữa cháy cơ động riêng, và những thành viên trong đội PCCC đều được tập huấn về kiến thức PCCC, có nhiệm vụ kiểm tra, nhắc nhở người lao động về các biện pháp an toàn trong quá trình sản xuất và sau mỗi ngày làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức diễn tập PCCC, góp phần nâng cao kiến thức cho người lao động khi tình huống xấu xảy ra. Về mặt trang bị PCCC, Công ty đã đầu tư, hoàn thiện các hệ thống, thiết bị PCCC như báo cháy, báo khói tự động, thoát hiểm, máy bơm, hồ chứa nước với dung tích lớn nằm ngay sát khu vực nhà máy; các trang thiết bị PCCC được Công ty thường xuyên bảo dưỡng và thay mới. Đối với những rủi ro khác dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để giảm tối đa nguy cơ từ những tác động này, Công ty xây dựng các kế hoạch giảm thiểu thiệt hại khi có sự cố xảy ra, trích lập các quỹ dự phòng khi có điều kiện, đồng thời tập huấn cho nhân viên kỹ năng phòng đảm bảo an ninh, an toàn khác.

04 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tổng quan nền kinh tế, ngành

Hoạt động kinh doanh

Phân tích SWOT

Dự án đầu tư

Phân tích tài chính

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Ban giám đốc

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

"Ấn tượng" là cụm từ được Giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam – ông Ousmane Dione nhấn mạnh khi nhắc tới mốc tăng trưởng 7,08% năm nay của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới không mấy thuận lợi, trong nước trần nợ công, đầu tư trung hạn…làm hạn chế việc thực hiện nhiều dự án lớn và giải ngân các dự án đầu tư công chậm chạp. GDP Việt Nam năm 2018 được tổng kết tăng 7,08% theo số liệu của Tổng cục Thống kê (GSO) công bố. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây, chỉ số tăng CPI được kiềm ở dưới 4%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012-2016, đóng góp 2,55 điểm phần trăm. Lạm phát giữ ở mức cơ bản 1,48% so với năm 2017. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2018 tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2018, chỉ số tiêu thụ ngành chế biến, chế tạo tăng 12,4% so với năm trước (năm 2017 tăng 10,2%).

TỔNG QUAN NGÀNH

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, phụ kiện, phụ tùng linh kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.Theo khảo sát của Công ty Reed Tradex (Thái Lan), ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong việc tham gia vào chuỗi cung ứng cũng như chuỗi giá trị toàn cầu. Các công ty, tập đoàn lớn của nước ngoài đã thiết lập nhiều nhà máy chế tạo và lắp ráp tại Việt Nam. Điều đó chứng tỏ họ kỳ vọng vào việc cắt giảm chi phí vận chuyển và rủi ro, vì thế nó sẽ tạo cơ hội lớn cho các nhà cung cấp phụ tùng trong nước phát triển sản xuất.Việc phát triển công nghiệp hỗ trợ được xem là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Việt Nam nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, thực trạng ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam còn yếu và cần những chính sách phù hợp để phát triển. Hiện nay chi phí nhân công Việt Nam đang tăng lên, đến một mức nhất định sẽ không còn là lợi thế cạnh tranh. Lúc này, khi các ưu đãi của chính phủ đã hết thời hạn, nếu CNHT trong nước không phát triển để cắt giảm giá thành sản phẩm, các Tập đoàn đa quốc gia sẽ di chuyển cơ sở sản xuất sang quốc gia khác hấp dẫn hơn và các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam không có đủ khả năng cạnh tranh và phát triển. Do đó, nếu không kịp thời tạo dựng sự lan tỏa từ sản xuất của các Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam sang hệ thống doanh nghiệp nội địa, sớm hình thành các doanh nghiệp có quy mô khu vực và quốc tế để dẫn dắt nền công nghiệp và phát triển CNHT, Việt Nam sẽ mất cơ hội thúc đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hỗ trợ ngành xe máy:

Việt Nam là quốc gia có lượng phương tiện giao thông chiếm tới 90% là xe máy. Dự báo đến năm 2020 lượng xe máy lưu hành trong cả nước sẽ khoảng 33 triệu xe. Chính vì vậy, số lượng doanh nghiệp tham gia vào thị trường sản xuất và lắp ráp xe máy cũng khá đông, khoảng gần 60 doanh nghiệp, trong đó có những tập đoàn lớn đến từ Nhật Bản, Italia, Đài Loan. Từ chỗ phải nhập khẩu 100% từ nước ngoài, ngành công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực sản xuất và lắp ráp xe máy của Việt Nam đã có thể tự sản xuất được khoảng 70% các loại linh kiện, phụ tùng, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm xe máy sản xuất tại Việt Nam. Tuy vậy, giá thành các linh kiện, phụ kiện sản xuất trong nước còn cao, chất lượng không ổn định.

Nổi lên trong làng công nghiệp hỗ trợ xe máy là doanh nghiệp Mạnh Quang, chuyên sản xuất nhông, đĩa, xích, phụ tùng xe máy các loại, chiếm gần 20% thị phần cung cấp sản phẩm cho các công ty sản xuất và lắp ráp xe máy trên toàn lãnh thổ Việt Nam, trở thành đối tác lớn chuyên cung cấp phụ tùng xe máy cho các hãng lớn như Honda, SYM, SuFat, Detech, Lifan...

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		Thực hiện/Kế hoạch 2018 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.346,000	1.413,422	5,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29,500	31,613	7,2%
3	ROE	%	16,0%	17,1%	7,0%

Kết thúc năm 2018, Doanh thu thuần của Công ty đạt 1.413,422 tỷ đồng tăng 5,0% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 31,613 tỷ đồng tăng 7,2% so với kế hoạch đã đề ra.

Kết quả kinh doanh qua các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Tỷ đồng)	Năm 2015 (Tỷ đồng)	Năm 2016 (Tỷ đồng)	Năm 2017 (Tỷ đồng)	Năm 2018 (Tỷ đồng)	Năm 2018/2017 (%)	Tăng trưởng TB 2014-2018 (CARG)(%)
Doanh thu thuần	993,030	1.201,759	1.267,368	1.400,619	1.413,422	0,90%	9,23%
Gía vốn hàng bán	896,469	1.089,218	1.148,815	1.288,265	1.298,473	0,80%	9,70%
Lợi nhuận trước thuế	44,353	46,581	43,029	30,614	31,911	4,24%	-8,12%
Lợi nhuận sau thuế	34,508	36,275	34,370	23,776	25,529	7,40%	-7,54%

Biểu đồ doanh thu và lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2014-2018:

Nhìn chung, các chỉ tiêu về tình hình hoạt động của Công ty không có biến động lớn trong thời gian qua, Công ty vẫn duy trì tăng trưởng ở mức ổn định.

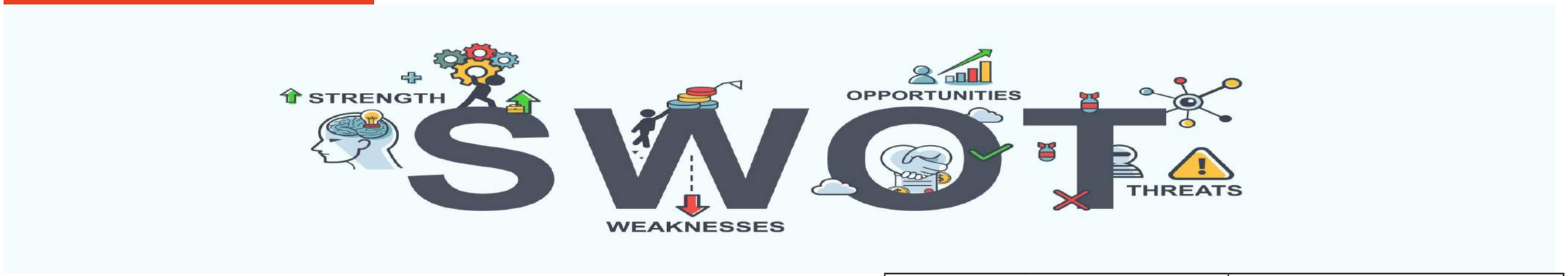

STRENGTHS | ĐIỂM MẠNH

- Có bề dày lịch sử về sản xuất thiết bị phụ tùng nên có mối quan hệ bạn hàng thân thiết truyền thống như: Honda, Yamaha, Piaggo, SYM..
- Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao và lao động có tay nghề cao và thái độ cầu tiến trong công việc.
- Máy móc tiên tiến đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng như nhiều hình dạng phức tạp.

WEAKNESS | ĐIỂM YẾU

- Sản phẩm của doanh nghiệp chưa được đối tác đánh giá cao về chất lượng.
- Những khó khăn chủ quan mà Công ty chưa khắc phục được: Sự phụ thuộc nhiều vào các khách hàng lớn gây áp lực về giá bán, sản lượng sản xuất trong năm.

OPPORTUNITIES | CƠ HỘI

- Chính phủ ban hành Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ giúp các doanh nghiệp trong ngành và thông tư 29 về hướng dẫn sử dụng, quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển CNHT: ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế về công nghiệp hỗ trơ, hỗ trợ phát triển thị trường,..
- Các khách hàng của công ty như: Honda, Yamaha, Piaggio đều là những thương hiệu lớn về sản phẩm xe máy (riêng Honda chiếm 70% thị phần trong nước; Yamaha, Piaggio, Suzuki,.. chiếm 30% thị phần còn lại.

THREAT | THÁCH THỨC

- Nguồn nguyên liệu đầu vào chính là Thép. Trong năm 2018 tình hình giá Thép nhiều biến động do làn sóng bảo hộ từ các nước gia tăng (Chi phí cho NVL Thép đầu vào năm 2018 tăng ...% so với năm 2017)

CHIẾN LƯỢC SO	CHIẾN LƯỢC WO
- Chủ động tìm hiểu nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để chủ động đón nhận những thuận lợi từ những chính sách này mang lại. - Tìm hiểu kỹ lượng về luật để tận dụng được các chính sách của nhà nước đang ưu tiên những doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ như: ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế về công nghiệp hỗ trơ, hỗ trợ phát triển thị trường,.. - Tận dụng các thế mạnh vốn có để duy trì mối quan hệ truyền thống với những đối tác lâu năm, tìm kiếm thêm các khách hàng mới nhằm mở rộng thị phần.	- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chế tạo thử sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thêm các sản phẩm mới với mẫu mã đa dạng đáp ứng yêu cầu càng cao của các đối tác. - Tận dụng những ưu đãi của chính phủ dành cho những doanh nghiệp trong ngành CNHT để đẩy mạnh hoạt động: ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế về CNHT...
CHIẾN LƯỢC ST	CHIẾN LƯỢC WT
Với uy tín lâu năm trong ngành, Công ty lựa chọn sẵn những đơn vị uy tín cung cấp nguyên liệu đầu vào để quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn khi có sức ép từ nhà cung cấp.	Công ty luôn lựa chọn những đối tác có uy tín trong việc cung ứng nguyên vật liệu đầu vào cho doanh nghiệp đảm bảo sản phẩm sản xuất ra luôn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mà đối tác, khách hàng đặt ra

VỊ THẾ CỦA DOANH NGHIỆP

Hiện nay trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung có rất nhiều các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất công nghiệp, cụ thể trong lĩnh vực cơ khí chế tạo và sản xuất ra các sản phẩm phụ tùng xe máy, máy công nghiệp,... phải kể đến các doanh nghiệp tên tuổi như Công ty CP cơ khí Hồng Nam thuộc Tổng công ty công nghiệp Việt Nam, Công ty Xuất nhập khẩu cơ khí Mecanimex, Công ty sản xuất cơ khí CNC Việt Nam,...Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm cũng như uy tín trên thị trường Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh tự hào là một trong số các đơn vị dẫn đầu trong sản xuất cơ khí chế tạo, luôn được các đối tác tin tưởng và ký kết hợp đồng lâu dài như các hãng lớn HONDA, YAMAHA,...Bên cạnh đó chất lượng sản phẩm, chính sách về giá, hậu mãi cũng được chú trọng và được người tiêu dùng đón nhận.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ

01 DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ CƠ KHÍ TRUNG TÂM (CK3) VÀ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ

- Diện tích xây dựng: 5640m2
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 2 – tháng 12/2018
- Tổng chi phí: 42 tỷ đồng

02 DỰ ÁN ĐẦU TƯ MÁY DẬP, KHUÔN DẬP 400T FINE BLANKING

- Chi phí: 13,3 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 – tháng 9/2019

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,18	0,00%
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,70	0,60	-16,30%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	231,73%	241,15%	4,06%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	69,86%	70,70%	1,20%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,85	8,85	-10,20%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,90	2,85	-0,10%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,70%	1,78%	5,13%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,47%	17,10%	3,89%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,84%	`5,08%	5,05%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,95%	1,93%	-0,75%

ĐÁNH GIÁ, PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH:

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán

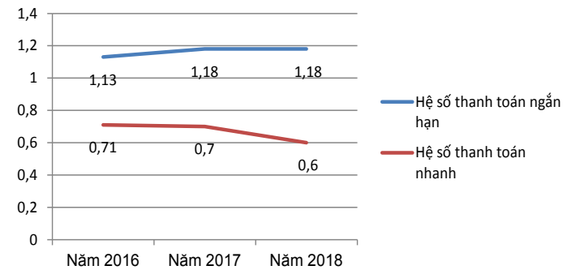

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ở mức an toàn 1,18 lần và không có biến động so với năm 2017. Chỉ số khả năng thanh toán nhanh năm 2018 là 0,6 lần và 0,7 lần trong năm 2017 giảm 16,3%. Nguyên nhân của sự biến động mạnh này là do hàng tồn kho hàng tồn kho năm 2018 là 163,736 tỷ đồng tăng 26,32% so với năm 2017. Hàng tồn kho tăng là do trong năm 2018 thị trường thép thế giới diễn biến khó lường, vì vậy Công ty đã chủ động tích trữ sẵn nguyên vật liệu (thép) để phòng ngừa rủi ro biến động giá. Bên cạnh đó với việc ký kết được hợp đồng với hai khách hàng lớn là Huyndai và Vinfast nên Công ty đã chủ động dự trữ nguyên vật liệu để đáp ứng kịp thời những đơn đặt hàng của khách hàng.

Về khả năng sinh lời

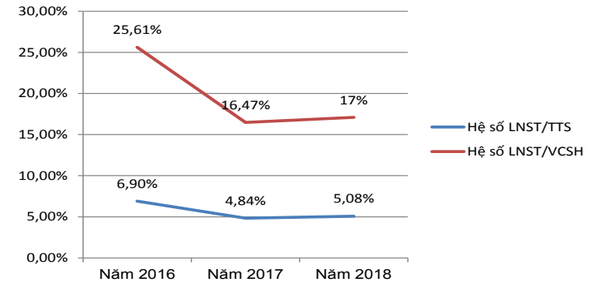

Hệ số khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu năm 2018 là 17,1% tăng 3,89% so với năm 2017. ROE tăng là do tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu là 4,2% không đuổi kịp tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế 6%. Hệ số này năm 2018 là 17,3% có nghĩa là cứ một đồng vốn của chủ sở hữu bỏ ra mang lại 0,173 đồng lợi nhuận sau thuế. Hệ số này là tỷ số quan trọng nhất đối với các cổ đông, giúp theo dõi xem một đồng vốn cổ đông bỏ ra đã tích lũy được bao nhiêu đồng lời.

Hệ số khả năng sinh lợi của tài sản năm 2018 là 5,08% tăng 5,05% so với năm 2017. ROA tăng là do tốc độ tăng của tổng tài sản 0,6% không theo kịp tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế 7,4%. Hệ số này trong năm 2018 là 5,08% tức là cứ cứ một đồng tài sản đem đi đầu tư sẽ mang lại cho doanh nghiệp 0,052 đồng lợi nhuận sau thuế.

ROA và ROE năm nay đều tốt hơn năm trước cho thấy khả năng sinh lời từ hoạt động sản xuất kinh doanh đang ngày càng tốt hơn.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động

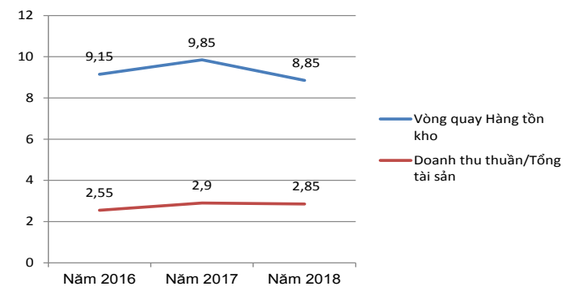

Các chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho năm 2018 đã giảm 0,95 vòng đạt 8,85 vòng/năm, chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản giảm từ 2,9 lần xuống 2,85 lần.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 là 8,86 vòng giảm nhẹ so với năm 2017 giảm 9,6%. Vòng quay hàng tốn kho được xác định bằng cách lấy giá vốn hàng bán chia cho hàng tồn kho bình quân. Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2018 giảm là do hàng tồn kho bình quân mạnh 26,32% trong khi đó giá vốn hàng bán chỉ tăng 0,8%.

Về cơ cấu nguồn vốn

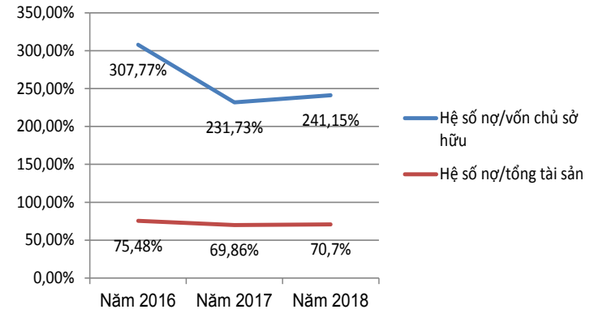

Công ty có khả năng chiếm dụng vốn khá cao khi tỷ lệ tổng nợ/tổng tài sản là 69,86% năm 2017 và tăng lên 70,7% năm 2018. Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu ở mức cao vượt hơn 2. Chính sách sử dụng vốn của doanh nghiệp đang nghiêng về việc sử dụng đòn bẩy nhiều hơn và doanh nghiệp đã sử dụng đòn bẩy khá hiệu quả khi khuếch đại được tỷ suất sinh lời của vốn chủ năm 2018 là 17,1% tăng 3,89% so với năm 2017.

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH (tiếp)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản, nguồn vốn

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm(%)
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	478,951	513,239	7,20%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	144,379	150,445	4,20%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	334,572	362,793	8,40%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.400,619	1.413,422	0,90%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	27,247	27,290	0,20%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	3,366	4,332	28,70%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,614	31,613	3,30%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,776	25,223	6,10%

Trong năm 2018 tổng giá trị tài sản là 513,239 tỷ đồng tăng 7,2% so với năm 2017 trong đó: Hàng tồn kho năm 2018 là 163,736 tỷ đồng tăng 26,32% so với năm 2017 (trong đó tồn kho nguyên vật liệu chiếm tới 51%). Hàng tồn kho tăng là do trong năm 2018 thị trường thép thế giới diễn biến khó lường, vì vậy Công ty đã chủ động tích trữ sẵn nguyên vật liệu (thép) để phòng ngừa rủi ro biến động giá. Bên cạnh đó với việc ký kết được hợp đồng với hai khách hàng lớn là Huyndai và Vinfast nên Công ty đã chủ động dự trữ nguyên vật liệu để đáp ứng kịp thời những đơn đặt hàng của khách hàng.

Tổng nợ phải trả năm 2018 là 362,793 tỷ đồng tăng 8,4 % so với năm 2017 trong đó:
Phải trả người bán ngắn hạn năm 2018 là 94,443 tỷ đồng tăng 1,4% so với năm 2017. Trong đó khoản phải trả người bán lớn nhất đến từ Công ty TNHH Linh Trung chiếm tới 25,54%. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn năm 2018 là 133,299% tăng 8,1% so với năm 2017 trong đó nguồn vay đến từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 48% trong nợ ngắn hạn. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn năm 2018 là 84,472 tỷ đồng tăng 38,6% so với năm 2017 nguồn vay chi tiết đến từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đông Anh chiếm tỷ trọng lớn nhất 98,3% trong nợ dài hạn. Năm 2018 do nhu cầu đầu tư máy dập, khuôn dập 400T fine blanking, dự án xây dựng nhà cơ khí trung tâm (CK3) và các công trình phụ trợ nên nhu cầu vay tài chính cả ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp đều tăng. Trong những năm gần đây, Công ty bắt đầu nghiêng về việc sử dụng nợ cho hoạt động sản xuất sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Nợ phải trả	342,851	347,372	380,041	334,572	362,793
Vốn chủ sở hữu	148,716	144,930	123,480	144,379	150,445
Tổng nguồn vốn	491,568	492,303	503,522	478,951	509,094

Bảng thống kê nguồn vốn giai đoạn 2014-2018 (đơn vị tính: tỷ đồng)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2018 Hội đồng quản trị điều hành Công ty trong bối cảnh ngày càng nhiều khó khăn, thách thức:

- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, trong đó vật tư chính tăng 3-5% làm tăng giá thành sản phẩm. Nhưng ngược lại, Công ty vẫn phải chịu áp lực giảm giá bán sản phẩm theo lộ trình hàng năm là 4%.
- Các thách thức mà Hội đồng quản trị nêu ra từ đại hội cổ đông các năm trước thì nay tác động ngày một rõ rệt đến Công ty. Đó là thị trường xe máy có xu hướng bão hòa dẫn tới khó khăn trong phát triển sản xuất. Áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất cùng chủng loại mặt hàng ngày càng tăng dẫn đến Công ty mất thị phần sản xuất đối với một số sản phẩm.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua việc:

- Theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu KPI quan trọng trong năm.
- Phối hợp với Ban kiểm soát nắm bắt tình hình Công ty để có những can thiệp, kiến nghị kịp thời giúp Ban điều hành hoàn thành tốt mục tiêu được giao.

Năm 2018, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn khách quan, Ban điều hành đã hoàn thành các mục tiêu quan trọng trong nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ các qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018: 1.413 tỷ đồng, bằng 101% so với năm 2017.
- Nộp ngân sách: 55,3 tỷ đồng, bằng 92% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế: 31,58 tỷ đồng, bằng 103% so với năm 2017.
- Thu nhập bình quân: 11 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% so với 2017.
- Số lao động: 1.530 người, bằng 99% so với năm 2017.

Trong năm 2018, công tác đầu tư được chỉ đạo hết sức trọng điểm, tập trung. Chi phí đầu tư thiết bị: 24,96 tỷ đồng để đầu tư 11 thiết bị phục vụ sản xuất.

Chi phí cho công tác xây dựng cơ bản: 42 tỷ đồng để xây dựng và hoàn thiện nhà cơ khí 3 diện tích 6000m2 đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra.

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2014-2019

Trong 5 năm của nhiệm kỳ, HĐQT điều hành Công ty trong điều kiện khách quan nhiều thách thức, bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước nhiều biến động, cùng với sự cạnh tranh mạnh mẽ của các đối thủ cùng ngành nghề và áp lực giảm giá theo lộ trình 4%/năm của khách hàng. Cuối năm 2017, Nhà nước thoái 100% phần vốn góp tại Công ty tương đương 60% tổng số cổ phần, Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần với 100% vốn góp của các pháp nhân, tư nhân. Trong quá trình trước, trong và sau khi thay đổi chủ sở hữu, Hội đồng quả trị đã chỉ đạo Ban điều hành giữ ổn định bộ máy tổ chức, nhân sự, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển. Hội đồng quản trị đã bám sát, chỉ đạo tăng cường công tác quản lý bằng nhiều biện pháp:

- Đẩy mạnh thực hiện quản trị mục tiêu và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành và cán bộ quản lý nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đặc biệt tăng cường kiểm soát cắt giảm chi phí thông qua kiểm soát mục tiêu KPI hàng tháng đã đem lại hiệu quả rõ rệt.
- Quản lý chặt chẽ các chi phí, công nợ, giá cả nguồn vốn, thực hiện nghiêm túc các quy định, pháp luật Nhà nước.
- Đầu tư thiết bị máy móc và xây dựng cơ bản theo hướng quy mô, tập trung, hiện đại nhằm tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường để từng bước tham gia thị trường sản xuất ô tô. Trong nhiệm kỳ 2014-2019 Hội đồng quản trị đã hoàn thành thay thế, cải tạo toàn bộ nhà xưởng cũ bằng hệ thống nhà xưởng hiện đại, đồng bộ với đường giao thông, đường điện, đường khí.
- Đẩy mạnh các biện pháp tăng năng lực cạnh tranh, năng suất lao động của Công ty như đầu tư thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, giảm giờ làm việc...
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và có những quyết định phù hợp về nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC NHƯ SAU:

- Về doanh thu: Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 9,5% vượt mục tiêu đề ra là tăng trưởng bình quân 5%/năm.
- Về sản phẩm: Tiếp tục tập trung cho lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp phụ trợ, đồng thời tăng dần số lượng các sản phẩm ngoài xe máy. Tuy nhiên, mục tiêu tăng dần tỉ lệ sản phẩm ngoài xe máy phấn đấu đạt 18% tổng doanh thu vào năm 2019 kết quả đạt được còn rất thấp (năm 2018 đạt 1,84%) mặc dù kết quả năm sau có cao hơn năm trước.
- Về công tác đầu tư: Từ năm 2014 đến hết năm 2018, tổng giá trị đầu tư là 213,3 tỷ đồng so với dự kiến ban đầu là 57 tỉ đồng. Trong đó:

+ Đầu tư mở rộng diện tích thêm 3,4 ha : 33,6 tỷ đồng
+ Đầu tư máy móc thiết bị : 105,06 tỷ đồng
+ Đầu tư sửa chữa, xây dựng nhà xưởng : 74,64 tỷ đồng

Các hạng mục đầu tư chủ yếu nhằm tăng năng lực sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh và giá trị đầu tư được xem xét và điều chỉnh hàng năm để phù hợp với tính hình sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.

Kết quả một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm						Tỷ lệ 2018/2014 (%)
		Đơn vị tính	2014	2015	2016	2017	2018	
1	Doanh thu	Tỷ đồng	993	1.201	1.267	1.400	1.413	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	44,3	46,5	43	30,6	31,6	71%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	34,5	36,2	34,2	23,7	25,2	73%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	53	53	61,2	57,7	53,3	101%
5	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	55,44	30,2	34,8	25,9	66,96	120%
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6,2	8,8	8,8	11	11	177%
7	Lao động bình quân	Người	1.550	1.485	1.485	1.542	1.530	98%
8	Số lao động đóng BHXH theoQĐ của Luật bảo hiểm	Tỷ lệ %	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Kết quả trên cho thấy Công ty đang triển khai có hiệu quả những giải pháp đã đề ra, khẳng định các giải pháp của HĐQT và Ban điều hành là phù hợp, kịp thời, thể hiện sự cố gắng, đồng lòng và quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo và người lao động của Công ty.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2014_2019

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thuận lợi

- Việc chuyển đổi chủ sở hữu của Công ty sang 100% là các pháp nhân và tư nhân phần nào đem lại thuận lợi cho HĐQT trong các quyết sách được chủ động, kịp thời.
- Hội đồng quản trị nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của các cổ đông. Công ty có được sự đoàn kết, thống nhất từ HĐQT, Ban điều hành và CBCNV.

Khó khăn

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra thách thức đối với Công ty, đòi hỏi Công ty phải có những chuyển biến mạnh mẽ về Công nghệ, về trình độ người lao động và cần nguồn lực đầu tư lớn để tránh rơi vào thế tụt hậu, không cạnh tranh được với các doanh nghiệp cùng ngành nghề.
- Chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội ngày càng tăng (riêng từ tháng 1/2019 tăng 11,6%).
- Sức ép giảm giá sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh để tồn tại đòi hỏi Công ty phải nỗ lực nhiều.
- Dự báo dài hạn: Doanh thu từ thị trường xe máy trong nước khó tăng trưởng. Muốn tăng trưởng sản xuất phải tập trung vào thị trường phụ tùng xuất khẩu và đẩy mạnh phát triển sản phẩm ngoài xe máy. Tuy nhiên Công ty còn hạn chế về năng lực phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm ngoài xe máy.
- Những khó khăn chủ quan mà Công ty chưa khắc phục được như: sự phụ thuộc nhiều vào các khách hàng lớn gây lên áp lực cho Công ty về yếu tố giá bán, sản lượng sản xuất trong năm; khả năng cạnh tranh về giá cả, công nghệ, chất lượng của Công ty còn yếu.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2019-2024:

Trong nhiệm kỳ tiếp theo, Hội đồng quản trị dự kiến định hướng như sau:
- Về doanh thu: Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm từ 1-3%
- Về sản phẩm: Tiếp tục tập trung cho lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp phụ trợ, duy trì sản xuất phụ tùng xe máy. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm phụ tùng ô tô và sản phẩm ngoài xe máy, mục tiêu tăng trưởng bình quân hằng năm từ 10-15%.
- Về công tác đầu tư: Tổng giá trị dự kiệ 175 tỷ. Trong đó, đầu tư 140 tỷ đồng để mua mới thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và sửa chữa thay thế định kỳ, 35 tỷ đồng để xây dựng nhà xưởng 5.000m2 và duy tu, sửa chữa nhà xưởng và các công trình phụ trợ.
- Về kỹ thuật công nghệ: không ngừng cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất , chất lượng sản phẩm.
- Về công tác quản lý: Thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, đặc biệt giảm chi phí quản lý, phục vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
- Về mặt bằng Công ty: Sẽ phải quy hoạch lại cho phù hợp với quy hoạch chung của thành phố.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 2019:

HĐQT thống nhất một số chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:
- Tổng doanh thu : 1.312 tỷ đồng, bằng 93% so với 2018 trong đó doanh thu sản xuất: 1.200 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 48 tỷ đồng, bằng 90% so với 2018
- Lợi nhuận trước thuế: 29,75 tỷ đồng, bằng 90% so với 2018
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 16,5% bằng 99% so với 2018.
- Thu nhập bình quân : 11 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% so với 2018.
- Số lao động: 1.450 người, bằng 95% so với 2018.

Chấp hành nghiêm túc các qui định hiện hành của pháp luật đối với doanh nghiệp.

Về công tác quản lý: năm 2019, HĐQT duy trì họp định kỳ tối thiểu 1 lần/quí theo quy định, tổ chức các phiên họp khác để triển khai thực hiện thẩm quyền, nghĩa vụ của HĐQT, thực hiện công tác quản trị Công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, phát huy vai trò của các đơn vị trực thuộc để tham mưu cho HĐQT về tổ chức bộ máy, nhân sự, chiến lược kinh doanh, các hoạt động đầu tư; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị mục tiêu KPI, quản trị rủi ro, tuân thủ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn.

Về công tác đầu tư thiết bị và xây dựng cơ bản: Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 12,4 tỷ đồng cụ thể như sau:

+ Đầu tư máy móc thiết bị: 10,7 tỷ đồng để bổ sung năng lực sản xuất, thay thế các thiết bị đã lạc hậu.

+ Xây dựng cơ bản 1,69 tỉ đồng để sửa chữa, nâng cấp các công trình hiện có.

HĐQT và Ban điều hành chủ động nghiên cứu, lập phương án mở rộng sản xuất các sản phẩm phụ tùng ô tô.

6. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018 nền kinh tế trong nước tương đối ổn định, tuy nhiên thị trường xe máy không tăng trưởng. Được sự chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành Công ty cùng với các tổ chức đoàn thể đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt công tác quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, điều chỉnh kế hoạch linh hoạt, phù hợp với điều kiện khó khăn. Doanh thu đạt mức của Công ty năm 2018 được duy trì ổn định so với năm 2017.

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Ban điều hành nhận được sự chỉ đạo kịp thời, sát sao của HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng và họp chuyên đề.
- Cơ sở hạ tầng: đường giao thông, đường điện, đường khí, hệ thống thoát nước được đầu tư quy mô, đồng bộ và hiện đại đã hỗ trợ rất nhiều cho sản xuất kinh doanh.
- Công ty đầu tư nhiều thiết bị hiện đại, công nghệ mới giúp giảm ách tắc về công nghệ, kế hoạch.
- Nhiều vướng mắc về chất lượng sản phẩm vẫn chưa khắc phục được, phải tạm chấp nhận giao hàng.
- Yêu cầu của khách hàng ngày càng khắt khe về chất lượng, thời gian giao hàng, đặc biệt là hàng xuất khẩu và đặc thù sản xuất theo chu kỳ gây khó khăn trong điều hành sản xuất, đòi hỏi cả hệ thống phải linh hoạt, các bộ phận phải phối hợp nhịp nhàng, chính xác.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Tăng/giảm (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.400	1.413	101
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,6	31,6	103
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,7	25,2	106
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	16,4	16,7	102
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	57,7	55,3	92
6	Thu nhập bình quân/ người/tháng	Triệu đồng	11	11	100
7	Số lao động	Người	1.545	1.530	99

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và chế tạo, quản lý thiết bị

Theo kế hoạch năm 2018, tổng chi phí cho công tác đầu tư thiết bị và xây dựng cơ bản là: 71,7 tỷ đồng. Trong đó chi cho công tác đầu tư máy móc, thiết bị: 32,9 tỷ đồng, chi cho công tác xây dựng cơ bản: 38,8 tỷ đồng. Kết quả thực hiện:

+ Đầu tư thiết bị: 24,96 tỷ đồng (tăng 10,4% so năm 2017) bao gồm: máy dập fine blanking 400T, trung tâm gia công tiện Hyundai, máy tiện thủy lực cấp phôi tự động, máy chấn tôn, máy chà sàn...

+ Xây dựng cơ bản: 22,8 tỷ đồng gấp 6,9 lần năm 2017 để xây dựng nhà cơ khí trung tâm với diện tích ~6000m2, xây dựng kho chứa dầu, hóa chất, cải tạo nền nhà xưởng và đường thoát nước tại XNPT...

Công tác đầu tư thiết bị chưa hoàn thành kế hoạch đề ra, do việc xây dựng kế hoạch chưa phù hợp với thực tế và triển khai thực hiện không bám sát kế hoạch năm.

Công tác xây dựng cơ bản: chưa thực hiện đúng tiến độ do có nhiều thay đổi trong thiết kế phát sinh trong quá trình thi công.

Năm 2018, các chỉ tiêu KPI về thiết bị đều đạt mục tiêu. Tuy nhiên, công tác dự phòng phụ tùng cho các thiết bị quan trọng chưa đầy đủ, công tác bảo dưỡng vẫn mang tính hình thức, giám sát bảo dưỡng chưa chặt chẽ, việc đánh giá dự báo tình trạng thiết bị còn yếu, chủ yếu vẫn tập trung vào "chữa" chứ chưa có "phòng".

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp)

Công tác kế hoạch-điều hành sản xuất:

Nhìn chung, công tác kế hoạch sản xuất có tiến bộ hơn các năm trước: tỷ lệ bình quân hoàn thành kế hoạch Công ty năm 2018 đạt 101,7%. Các đơn vị trong công ty đã thích ứng được với việc sản lượng tăng/giảm nhiều giữa các tháng trong năm để chủ động đôn đốc các đơn vị khác cấp phôi bán thành phẩm đảm bảo tiến độ sản xuất và giao hàng.

Tuy nhiên, một số sản phẩm mới đưa vào sản xuất loạt chưa đạt chất lượng và tiến độ giao hàng do công đoạn luân chuyển dài, công nghệ phức tạp. Sự phối hợp giữa các đơn vị chưa tốt trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, đặc biệt là các đơn vị triển khai sản xuất tại các nguyên công đầu.

Một số khách hàng thường xuyên bổ sung đơn hàng (Honda, Nam Việt, Piaggio...) dẫn đến việc bố trí sản xuất bị động; nhiều sản phẩm đòi hỏi độ chính xác cao và chất lượng nghiêm ngặt phải làm lại nhiều lần.

Công tác chế thử sản phẩm và đưa vào sản xuất

Trong năm đã triển khai chế thử 205 chi tiết, đưa vào sản xuất loạt 114 sản phẩm (tăng 96% so với năm 2017). Sản phẩm chế thử chủ yếu hướng đến thị trường xuất khẩu, sản phẩm ô tô vì vậy các yêu cầu về ngoại hình, kích thước... đều được khách hàng quản lý rất nghiêm ngặt.

Đặc biệt, trong năm 2018, Công ty đã chế thử thành công 64 sản phẩm ngoài xe máy (sản phẩm ô tô cho Công ty Hyundai). Doanh thu từ những sản phẩm ngoài xe máy đạt 23,7 tỷ đồng, chiếm 1,84% tổng doanh thu 2018, tăng 16% so với năm 2017.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm:

Công tác chất lượng sản phẩm được quan tâm, việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng được thực hiện từ đầu vào, trên công đoạn và lưu kho, xuất hàng. Từ năm 2017 công ty bắt đầu triển khai hoạt động "Công nhân chất lượng", "Tổ chất lượng" trong đội ngũ công nhân sản xuất trực tiếp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBCNV đối với công tác chất lượng sản phẩm. . Đến nay số Cán bộ công nhân viên được công nhận là công nhân chất lượng là 344 người chiếm 33,07% công nhân công.

+ Tỷ lệ sai hỏng theo số lượng toàn công ty năm 2018: 0,308% không đạt so với mục tiêu đề ra, Không đạt so với mục tiêu nhưng giảm 0,049% so với năm 2017.

+ Sai hỏng sản phẩm tập trung ở các lỗi sai kích thước và lỗi ngoại hình.

Công tác An toàn lao động, 5S - Đời sống - Phong trào:

Công tác 5S được đẩy mạnh, đặc biệt là ý thức thực hiện5S trong CBCNV được nâng cao. Trong năm 2018, hoạt động 5S có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét đã làm thay đổi bộ mặt Công ty theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Các vị trí làm việc, máy móc thiết bị, vệ sinh được tiêu chuẩn hóa. Bước đầu đã tạo được văn hóa 5S trong hoạt động sản xuất tại Công ty.

Số vụ tai nạn lao động giảm 55% so với năm 2017. Tuy nhiên, vẫn xảy ra 5 vụ tai nạn lao động. Nguyên nhân chủ yếu do ý thức CBCNV không tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành thiết bị.

Trong năm, Công ty đã động viên, khen thưởng kịp thời cho 45 lượt tập thể, 4.042 lượt cá nhân có thành tích xuất sắc với tổng số tiền 567,5 triệu đồng.

Tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện do địa phương và thành phố phát động với tổng số tiền 637,2 triệu đồng. Đặc biệt, trong năm Công ty đã hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho 01 gia đình CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trị giá 100 triệu đồng.

Với những cố gắng trên, tập thể Công ty được tặng Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, Đảng ủy Công ty được Đảng bộ thành phố HN tặng Bằng khen, Công đoàn Công ty được tặng Bằng khen của Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Công ty được nhận Cờ Thi đua dẫn đầu Khối Doanh nghiệp Hà Nội.

Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ:

Năm 2018, số sáng kiến đạt 189 sáng kiến (bằng 109% so mục tiêu, tăng 10,5% so với năm 2017). Giá trị làm lợi từ sáng kiến đạt 1,1 tỷ đồng (bằng 57% so mục tiêu, giảm 37% so năm 2017).

Năm 2018 là năm thứ 2 Hội đồng sáng kiến công ty hoạt động theo phương thức giao chỉ tiêu tới các đơn vị để triển khai, đánh giá hàng tháng, đồng thời nhắc nhở các đơn vị nếu không hoàn thành kế hoạch trong 2 tháng liên tiếp. Tiếp tục rà soát các sản phẩm dạng dập đơn chiếc, nhiều bước công nghệ đưa lên dập trên khuôn liên hoàn để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.

Trong năm 2018, tiếp tục triển khai dự án "Khuôn dập hai hàng" đưa tất cả các sản phẩm dập một hàng lên khuôn dập một lần được hai hàng. Triển khai thêm được hai dự án mới: Dự án "Kiểm soát và quản lý tiêu thụ điện", nhằm quản lý lượng điện tiêu thụ theo công suất thực tế của máy, từ đó gắn được tiêu hao điện cho từng công đoạn sản xuất sản phẩm; và dự án "Dập cấp phôi tự động cho các sản phẩm dập" nhằm đảm bảo an toàn lao động cho người lao động.

Công tác quản lý tài chính:

Năm 2018, tình hình tài chính công ty ổn định, các biện pháp nhằm giảm chi phí, giá thành luôn được công ty ưu tiên hàng đầu.

Tuy nhiên, để nâng cao năng lực cạnh tranh và đặc biệt là các tiêu chuẩn về nhà xưởng, chất lượng sản phẩm... từ phía khách hàng ngày càng cao. Trong vài năm gần đây, Công ty đã đầu tư mở rộng mặt bằng, mua sắm các thiết bị mới, xây dựng thêm nhà xưởng sản xuất chủ yếu từ nguồn vốn vay và vốn lưu động của Công ty, chính vì vậy làm cho vốn lưu động bị thiếu, hạn mức vay của ngân hàng luôn ở kịch trần, chi phí đi vay cao, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận.

Công tác quản lý Lao động - Tiền lương - Chế độ chính sách cho người lao động:

Công ty đảm bảo việc làm cho trên 1500 CBCNV với mức thu nhập ổn định bình quân 11 triệu đồng/ người/tháng; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chế độ chính sách, phúc lợi đối với người lao động, đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV, mua bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva cho CBCNV có nhiều đóng góp, gắn bó với Công ty và toàn bộ CBCNV làm công việc nặng nhọc độc hại; duy trì các chế độ, quyền lợi của CBCNV như các năm trước.

Công ty tiếp tục linh hoạt trong việc bố trí thời gian lao động, cân đối lao động giữa các đơn vị thừa năng lực hỗ trợ các đơn vị thiếu năng lực, đối với khối văn phòng nghỉ thêm ngày thứ bảy góp phần tiết kiệm chi phí.

MỘT SỐ DỰ BÁO CHO NĂM 2019

Thuận lợi:

Chất lượng máy móc thiết bị được đầu tư theo hướng tiên tiến hiện đại, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng được đầu tư mới tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất.

Khó khăn:

-Yêu cầu của khách hàng ngày càng khắt khe về chất lượng, thời gian giao hàng, đặc biệt là hàng xuất khẩu.

- Các khách hàng lớn như HVN, YMVN... giảm đơn hàng gây ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty và công ăn việc làm cho CBCNV.

- Áp lực giảm giá bán theo lộ trình của khách hàng trong khi giá cả vật tư có xu hướng tăng.

- Chi phí đóng bảo hiểm xã hội cho CBCNV tăng 11,6% kể từ tháng 1/2019 làm tăng chi phí thường xuyên của Công ty.

KẾ HOẠCH NĂM 2019

Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tăng/giảm
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.413	1.312	92,65
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31,6	29,7	94,2
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,2	23,8	94,2
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	55,3	48	90
6	Thu nhập BQ/người/ tháng	Triệu đồng	11	11	100
7	Số lao động	Người	1.530	1.530	100

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý, chế tạo thiết bị:

Năm 2019, dự kiến tổng chi phí đầu là: 25,9 tỷ (Trong đó có 13,5 tỷ đồng là hạng mục đầu tư của các dự án nhà xưởng cơ khí và và các công trình phụ trợ của năm 2018 chuyển sang), ngoài ra còn có:

+ Đầu tư thiết bị: 10,7 tỷ đồng tập trung vào đầu tư các thiết bị gia công hiện đại như: máy cắt dây, máy mài vô tâm, trung tâm tiện CNC, máy uốn dây, máy hàn, máy chà sàn, xe nâng, cầu nâng hạ, máy văng dầu, máy tarô, máy cán ren, máy tiện vát mini, máy tiện vát 2 đầu trục, máy dập 80T, máy khoan đứng 2 đầu trục.

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 1,7 tỷ đồng để sửa chữa, cải tạo Nhà Truyền thống, PKTSX (cũ) thành phòng họp, sửa chữa mái nhà PX Mạ -XNPT; sửa chữa nâng cấp nhà ăn, nhà QC cũ thành nhà ăn cho CBCNV, sửa chữa mái nhà xe, cải tạo vườn hoa trung tâm, sửa chữa nhà vệ sinh trung tâm.

Công tác quản lý thiết bị sẽ thực hiện theo hướng chủ động và kịp thời không làm ảnh hưởng tới sản xuất, lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt với các thiết bị quan trọng, tăng cường bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, bám sát công nghệ mới, sản phẩm thiếu năng lực để cải tiến và chế tạo thiết bị.

Công tác Tổ chức Lao động - Tiền lương - Đào tạo nguồn nhân lực

Đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho CBCNV. Thực hiện đầy đủ các chế độ và cải tiến công tác nâng bậc, nâng lương cho CBCNV.

Sửa đổi và kiện toàn các quy chế quản lý lao động, tiền lương đặc biệt là việc trả lương theo chất lượng, hiệu quả công tác để nâng cao ý thức làm việc, bố trí thời gian lao động hợp lý để tăng năng suất lao động, rà soát việc thanh toán tiền lương và định mức lao động, phát hiện các điểm bất hợp lý để điều chỉnh kịp thời đảm bảo động viên, khuyến khích CBCNV.

Trong năm 2019 để đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho CBCNV, Công ty không tuyển dụng thêm lao động thay thế cho lao động nghỉ chế độ và chấm dứt HĐLĐ

Dự kiến năm 2019 tổng số lượt người được đào tạo là trên 17.666 lượt. Trong đó chú trọng đào tạo nâng cao kỹ năng cho kỹ thuật viên và công nhân sản xuất.

Công tác chất lượng sản phẩm:

Năm 2019 Công ty chọn là "Năm chất lượng và tiết kiệm năng lượng" để toàn thể CBCNV nâng cao hơn nữa ý thức, trách nhiệm trong quản lý chất lượng sản phẩm, đặt biệt khi yêu cầu của khách hàng về chất lượng ngày càng khắt khe nhất là khách hàng YMVN.

Đẩy mạnh hoạt động "Công nhân chất lượng", "Tổ chất lượng" và cấp giấy chứng nhận chính thức cho 118 công nhân, 03 "Tổ chất lượng".

Triển khai thực hiện hoạt động "Nhân viên chất lượng của PQC" nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBCNV đối với công tác chất lượng.

Mục tiêu giảm tỷ lệ sai hỏng sản phẩm theo số lượng toàn công ty là 0,271% (giảm 12% so với năm 2018). Các đơn vị tập trung đăng ký cải tiến các sản phẩm có tỷ lệ sai hỏng cao, giá trị lớn và xây dựng mục tiêu GQI của phân xưởng tới từng tổ, từng cá nhân,...

Cải tiến công tác công tác thanh tra hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chí thanh tra, thanh tra theo chủ đề,....

Công tác điều hành sản xuất - kỹ thuật công nghệ:

Trong năm 2019 sẽ tăng cường công tác kiểm soát, cân đối kế hoạch sản xuất hợp lý, phấn đấu 100% sản phẩm mới đưa vào sản xuất loạt được lập tiến độ chi tiết ngày.

Đặc biệt, tập trung cải tiến công nghệ các sản phẩm dạng dập đơn chiếc, nhiều bước công nghệ đưa lên dập trên khuôn dập hai hàng, khuôn dập liên hoàn, để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.

Rà soát lại công nghệ các sản phẩm vẫn còn tồn tại chất lượng để cải thiện chất lượng đối với các sản phẩm đang tạm chấp nhận giao hàng.

Tiếp tục kế thừa triển khai dự án "Khuôn dập hai hàng", Dự án "Kiểm soát và quản lý tiêu thụ điện", dự án "Dập cấp phôi tự động cho các sản phẩm dập" để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH NĂM 2019 (tiếp)

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật:

Năm 2019, Công ty phấn đấu có trên 189 sáng kiến với giá trị làm lợi đạt ≥ 1,1 tỷ đồng.

Hội đồng sáng kiến tiếp tục giao chỉ tiêu sáng kiến theo tháng tới các đơn vị, tập trung vào các sản phẩm có sai hỏng lớn, các sản phẩm đang vướng mắc về chất lượng, đồng thời phân công các phòng ban chức năng hỗ trợ các đơn vị khi gặp khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Công tác chế thử sản phẩm:

Năm 2019 dự kiến chế thử 98 sản phẩm mới, phấn đấu 100% số sản phẩm chế thử đạt chất lượng để đưa vào sản xuất loạt.

Công tác An toàn lao động - Đời sống - Phong trào:

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thường xuyên nghiên cứu để thay đổi chủng loại một số loại bảo hộ lao động để phù hợp với điều kiện làm việc của CBCNV; đảm bảo các quyền lợi, đời sống của CBCNV đặc biệt là những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Năm 2019, Công ty hỗ trợ 100 triệu đồng để xây nhà nhân ái cho gia đình 01 CBCNV có hoàn cảnh khó khăn tại Phân xưởng Rèn dập.

Tiếp tục siết chặt kỷ luật 5S, đặc biệt trong vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đẩy mạnh các biện pháp cụ thể, thiết thực để đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững

Mục tiêu phát triển bền vững

Trách nhiệm với môi trường

Trách nhiệm với xã hội

THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

" Chiến lược phát triển bền vững là hướng tới việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn liền với các hoạt đông bảo vệ môi trường, chia sẻ với cộng đồng, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước."

Chủ nghĩa khủng bố gia tăng, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng, căng thẳng chính trị leo thang giữa các nước lớn.....là những vấn đề mà các nước trên thế giới đang phải đối mặt. Trong hoàn cảnh đó từ khóa phát triển bền vững luôn được chính phủ và các doanh nghiệp sản xuất quan tâm. Đặc biệt những nội dung của phát triển bền vững tại doanh nghiệp như Xích líp Đông Anh luôn được đặt lên hàng đầu; phát triển kinh tế không xa rời những mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy Ban lãnh đạo doanh nghiệp xác định chiến lược phát triển bền vững là hướng tới việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn liền với hoạt động bảo vệ môi trường, chia sẻ với cộng đồng, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước.

Với hơn 45 năm hình thành và phát triển chúng tôi hiểu rằng sẽ không thể đi xa được nếu không gắn các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi tin rằng nếu mỗi doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất khi đã xác định rõ ràng mục tiêu phát triển bền vững của bản thân họ thì sẽ làm tạo nên được những thay đổi lớn cho toàn xã hội và tích lũy được những điều tốt đẹp cho thế hệ mai sau.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- *Đối với khách hàng*: Cung cấp các sản phẩm chất lượng

- *Đối với cổ đông:*
  - Thực hiện công bố thông tin công khai minh bạch
  - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông
  - Đảm bảo cổ tức ổn định bền vững (Năm 2018 thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ: 29%/cổ phiếu tức 1 cổ phiếu nhận được 2900 đồng và ngày thanh toán 18/06/2018)

- *Đối với Nhà nước*
  - Tuân thủ chính sách Nhà nước trong hoạt động kinh doanh
  - Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thuế (đóng góp ngân sách nhà nước 55,3 tỷ đồng tiền thuế)

- *Đối với người lao động* (Thu nhập trung bình đối với người lao động 12,5 triệu đồng/người/năm)
  - Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh
  - Đảm bảo sức khỏe và điều kiện làm việc an toàn với người lao động
  - Chăm lo đời sống tinh thần của người lao động

- *Đối với cộng đồng xã hội* (đóng góp hơn 600 triệu đồng)
  - Chia sẻ chung tay với các hoạt động cộng đồng
  - Có trách nhiệm với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Sử dụng Nguyên vật liệu

Tên nguyên vật liệu chính	Sử dụng năm 2017		Sử dụng trong năm 2018		Nguồn cung cấp
	Khối lượng (Kg)	Chi phí (Triệu đồng)	Khối lượng (Kg)	Chi phí (Triệu đồng)	
Thép các loại	19.926.156	442.811	20.147.493	526.948	Nội địa, nhập khẩu

Sử dụng năng lượng

Tên năng lượng	Sử dụng trong năm 2017		Sử dụng trong năm 2018		Nguồn cung cấp
	Khối lượng	Chi phí (đồng)	Khối lượng	Chi phí (đồng)	
Than (Kg)	135.836	787.848.800	112.275	651.195.000	Linh Anh
Gas (Kg)	33.132	731.935.202	33.225	789.277.271	Petrolimex
Dầu diezen(Lít)	15.778	202.055.262	19.320	306.168.327	Licogi
Dầu hỏa (Lít)	9.061	103.380.584	8.407	118.476.086	Xăng dầu 1
Điện(kW)	14.695.932	23.822.105.772	15.037.707	25.278.385.467	Điện lực Đôn g Anh

Sử dụng nước

Tên	Sử dụng trong năm 2017		Sử dụng trong năm 2018		Nhà cung cấp	Tái chế và xử lý nước thải	Các sáng kiến tiết kiệm nước
	Khối lượng	Chi phí	Khối lượng	Chi phí			
Sử dụng nước	43.694m3	302.095.927 đồng	35.189 m3	132.304.944 đồng	Nước sạch, nước ngầm	Không tái chế	3

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: các sản phẩm thép tấm, cuộn, thép tròn các loại.
Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức:0%

Tiêu thụ nước

Trong năm 2018, Công ty đã có 3 sáng kiến tiết kiệm nước giúp tiết kiệm 8505m3 và giảm 169.790.983 đồng chi phí.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 2126,2 TOE (Điện: 15.037.707 KWH, than: 112 tấn, dầu: 19.320 lít; ga: 33 tấn).
Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 88.301 KWH.
Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không;
Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

LAO ĐỘNG

Cơ cấu lao động:

Tiêu chí	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I. Phân theo trình độ lao động				
- Trình độ Đại học và trên Đai học	193	11,86%	201	16,50%
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	543	18,07%	529	43,50%
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	671	61,6%	682	30,20%
- Lao động phổ thông	138	8,47%	118	9,80%
II. Theo đối tượng lao động				
- Lao động trực tiếp	341	22,07%	309	20,20%
- Lao động gián tiếp	1.204	77,93%	1221	79,8%
III. Phân theo giới tính				
- Nam	1.069	69,2%	1.046	68,40%
- Nữ	476	30,80%	484	31,60%
IV. Theo độ tuổi				
- Dưới 25	78	5,02%	101	6,60%
- Từ 25-35	789	50,70%	726	47,5%
- Trên 35	678	44,20%	703	45,90%
V. Theo thời gian làm việc tại Công ty				
- Từ 0-2 năm	153	9,90%	148	9,67%
- Từ 2-5 năm	77	4,90%	57	3,70%
- Từ 5-10 năm	301	19,5%	282	18,4%
- Trên 10 năm	1.014	65,70%	1.043	68,23%

Thống kê lao động qua các năm:

STT	Tiêu chí	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Số lượng lao động (người)	1.667	1.507	1.497	1.545	1.530
2	Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người / tháng)	6,2	8,5	8,8	11,2	12,5
3	Số giờ đào tạo	600	630	660	700	750

Chương trình đào tạo lao động

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh đã tổ chức các chương trình đào tạo dành cho người lao động như:

- Đào tạo nâng bậc
- Đào tạo 5S
- Đào tạo Quản lý lô, quản lý vật phẩm đầu, quản lý bất thường
- Đào tạo vẽ 3D trên phần mềm Cima-tron…
- Đào tạo công nhân chất lượng
- Đào tạo an toàn lao động, PCCC

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI (tiếp)

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động: 1542 người

Mức lương trung bình đối với người lao động: 11 triệu đồng

Chính sách đào tạo

Nhìn chung, Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn về sản xuất các cấu kiện, phụ tùng bằng kim loại, gia công cơ khí, sản xuất phụ tùng xe máy,…nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng. Lao động của Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hằng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề trực tiếp tại các Công ty bạn có trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, đây là chính sách nổi bật của Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh trong chiến lược quản lý phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 281h/năm

Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Qũy khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống. Hằng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty.

Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh luôn mong muốn đóng góp, chia sẻ giúp đỡ những vùng, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn cả nước. Công ty đã tổ chức các chương trình tình nguyện như:
• Hành trình tình nguyện: “Mùa đông ấm trên quê hương cách mạng Cao Bằng”
• Chương trình: “ủng hộ các gia định bị lũ lụt ở tỉnh Quảng Ninh”
Trong năm 2018 nhằm tiếp nối truyền thống tương thân tương ái đã thực hiện trong suốt những năm qua, Công ty cổ phần Xích líp Đông Anh có các hoạt động vì cộng đồng như sau:

STT	Các chương trình cộng đồng - xã hội tham gia	Số tiền (đơn vị tính: đồng)
1	Xây dựng nhà nhân ái cho 01 CBCNV Công ty có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	100.000.000
2	ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội trên địa bàn huyện và thành phố	537.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

HÀ NỘI – NĂM 2019

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) chuyển đổi mô hình từ Xí nghiệp Xích líp xe đạp Hà Nội sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối từ năm 2009.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước giai đoạn 2017-2020, trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc thoái 3.600.000 cổ phần Nhà nước, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty.

Việc thoái vốn được thực hiện trên cơ sở được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội bằng văn bản số 1569/UBND-KT ngày 05/4/2017. Theo đó, Nhà nước đã hoàn thành việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty vào tháng 9/2017.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).**

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic;
- Sản xuất kim loại;
- Sản xuất phương tiện vận tải khác (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (trừ vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trữ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Quảng cáo và nghiên cứu thị trường;

- Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;

- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm (không bao gồm giới thiệu tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các tổ chức, doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

- Hoạt động hành chính hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác;

- Giáo dục và đào tạo;

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Ông Phan Tấn Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Vĩnh Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và Tên	Chức danh
Bà Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS
Ông Phạm Hồng Trung	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Mùi	Thành viên BKS

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm tài chính 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông Tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH
Tổng Giám đốc

PHAN TẤN BÌNH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 166 /2019/BCKiT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018
***của* Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh**

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Phương Anh	**Hoàng Thị Khánh Vân**
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán	*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*
Số: 0739-2018-133 -1	*Số: 0371-2018-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**325,761,898,950**	**319,857,719,540**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**15,077,276,481**	**44,607,293,265**
1. Tiền	111		15,077,276,481	44,607,293,265
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**141,146,460,248**	**142,612,868,028**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	**V.02a**	136,583,966,179	139,041,812,817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,026,363,992	2,293,874,564
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	**V.03a**	2,536,130,077	1,277,180,647
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.04**	**163,736,060,138**	**129,616,412,667**
1. Hàng tồn kho	141		163,736,060,138	129,616,412,667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5,802,102,083**	**3,021,145,580**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	**V.8a**	1,595,885,295	961,539,546
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,489,171,145	37,034,644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	**V.14**	717,045,643	2,022,571,390
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**187,477,839,456**	**159,094,228,592**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	**V.02b**	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	**V.03b**	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**133,778,226,344**	**135,601,725,306**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.05**	101,610,467,923	102,715,185,916
- Nguyên giá	*222*		*435,702,455,970*	*414,587,327,507*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(334,091,988,047)*	*(311,872,141,590)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.06**	32,167,758,422	*32,886,539,390*
- Nguyên giá	*228*		*34,597,224,446*	*34,597,224,446*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*229*		*(2,429,466,024)*	*(1,710,685,056)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**17,529,046,825**	**190,775,000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	**V.07**	17,529,046,825	*190,775,000*
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**36,170,566,287**	**23,301,728,286**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.08b**	5,619,798,287	2,438,476,286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	**V.09**	30,550,768,000	20,863,252,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**513,239,738,406**	**478,951,948,132**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**362,793,884,718**	**334,572,742,665**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**276,867,540,626**	**272,181,324,190**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	**V.10a**	94,433,922,498	93,129,480,496
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		951,239,764	311,616,438
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	**V.14**	666,479,126	2,209,784,966
4. Phải trả người lao động	314		32,789,021,379	36,969,703,637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	**V.11a**	2,446,981,197	2,745,486,400
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	**V.12a**	1,125,251,602	587,413,554
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	**V.13.1a**	133,299,221,963	123,268,696,112
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11,155,423,097	12,959,142,587
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**85,926,344,092**	**62,391,418,475**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	**V.10b**	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	**V.11b**	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	**V.12b**	1,454,000,000	1,452,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	**V.13.1b**	84,472,344,092	60,939,418,475
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**150.445.853.689**	**144.379.205.467**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.15**	**150.445.853.689**	**144.379.205.467**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.350.666.436	66.567.164.134
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.095.187.253	17.812.041.333
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*412.041.333*	*17.812.041.333*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*19.683.145.920*	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**513.239.738.406**	**478.951.948.132**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHẠM THỊ THÚY	PHẠM ĐỨC HIẾU	PHAN TẤN BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.01**	**1.420.017.511.005**	**1.404.223.281.717**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	**VI.02**	6.594.972.715	3.603.485.155
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**VI.03**	**1.413.422.538.290**	**1.400.619.796.562**
4. Giá vốn hàng bán	11	**VI.04**	1.298.473.986.502	1.288.265.718.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**114.948.551.788**	**112.354.078.061**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**VI.05**	208.329.650	248.166.396
7. Chi phí tài chính	22	**VI.06**	13.043.585.070	12.202.020.921
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*12.814.771.195*	*11.927.497.925*
8. Chi phí bán hàng	25	**VI.07b**	15.282.397.012	14.419.234.803
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**VI.07a**	59.540.366.746	58.733.624.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**27.290.532.611**	**27.247.363.946**
11. Thu nhập khác	31	**VI.08**	4.625.034.096	3.601.460.296
12. Chi phí khác	32	**VI.09**	302.036.755	234.635.350
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**4.322.997.341**	**3.366.824.946**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**31.613.529.952**	**30.614.188.892**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**VI.10**	6.390.181.270	6.838.113.452
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**25.223.348.682**	**23.776.075.440**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		4.037	3.566
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHẠM THỊ THÚY	PHẠM ĐỨC HIẾU	PHAN TÂN BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

(phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,550,344,218,593	1,546,340,678,713
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(1,238,589,690,246)	(1,201,243,259,025)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(210,521,845,220)	(210,001,143,216)
- Tiền lãi vay đã trả	04		(13,409,255,644)	(11,897,001,525)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5,084,655,523)	(7,645,331,747)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,321,233,566	3,882,245,857
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(91,678,338,813)	(93,172,510,316)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	**20**		**(4,618,333,287)**	**26,263,678,741**
II. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(41,357,377,632)	(34,370,392,231)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		119,925,000	82,500,000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ các đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	48,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		116,851,711	242,616,009
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	**30**		**(41,120,600,921)**	**(33,997,276,222)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

(phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhập vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền thu từ đi vay	33		458.962.135.847	460.893.686.467
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(425.398.684.379)	(450.595.168.883)
-Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.385.997.000)	(25.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	**40**		**16.177.454.468**	**(14.901.482.416)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(29.561.479.740)**	**(22.635.079.897)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**44.607.293.265**	**67.230.844.461**
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.462.956	11.528.701
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.01**	**15.077.276.481**	**44.607.293.265**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHẠM THỊ THÚY	PHẠM ĐỨC HIẾU	PHAN TẤN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh (gọi tắt là: Công ty) có quá trình hình thành và phát triển như sau:
Công ty tiền thân là Xí nghiệp Xích líp xe đạp Hà Nội được thành lập theo quyết định số 222/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/1974.
Năm 2009, Công ty hoàn thành công tác chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh theo Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 01/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103040295 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/11/2014.
Tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản số 1569/UBND-KT thông báo về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh. Theo đó, nhà nước sẽ thoái toàn bộ 3.600.000 cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần xích líp Đông Anh theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Việc thoái toàn bộ phần vốn nhà nước tại Công ty đã thực hiện xong trong tháng 9 năm 2017.
Địa chỉ của Công ty tại: Số 11, tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ của Công ty: **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).**
Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 6.000.000 cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic;
- Sản xuất kim loại;
- Sản xuất phương tiện vận tải khác (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (trừ vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trữ;

- Dịch vụ ăn uống;

- Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);

- Quảng cáo và nghiên cứu thị trường;

- Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;

- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm (không bao gồm giới thiệu tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các tổ chức, doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

- Hoạt động hành chính hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác;

- Giáo dục và đào tạo;

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính 2018, Công ty không có biến động đặc biệt gì trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các công ty con: Không có

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách phát nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo so sánh là báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

  Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài

chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

-	Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
-	Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
-	Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
-	Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi

phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí luỹ kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thăng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập

Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

20.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

20.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	84,397,248	433,227,707
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,992,879,233	44,174,065,558
+ Tiền gửi VND	14,780,375,428	43,461,442,949
+ Tiền gửi bằng ngoài tệ	212,503,805	712,622,609
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	**15,077,276,481**	**44,607,293,265**

2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**136,583,966,179**	**-**	**139,041,812,817**	**-**
- Công ty HONDA Việt Nam	35,216,262,349	-	37,211,420,270	-
- Công ty TNHH phụ tùng xe máy, ô tô GOSHI Thăng Long	30,714,235,912	-	29,345,028,061	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô Showa VN	22,646,368,536	-	24,905,662,971	-
- Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam	20,438,121,149	-	21,667,522,520	-
- Công ty TNHH Lam Sơn	9,385,030,444	-	9,761,106,318	-
- Các đối tượng khác	18,183,947,789	-	16,151,072,677	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**136,583,966,179**	-	**139,041,812,817**	-

c) Phải thu các bên liên quan	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Linh Trung ES	55,154,915	-	46,243,934	-
Cộng	**55,154,915**	**-**	**46,243,934**	**-**

3. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**2,536,130,077**	**-**	**1,277,180,647**	**-**
- Phải thu từ gia công cắt thép	-	-	-	-
- Thuế TNCN năm phải thu cán bộ nhân viên	647,211,887	-	293,364,259	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	14,110,397	-	-	-
- Phải thu khác (VAT chưa kê khai khấu trừ)	1,874,807,793	-	622,386,093	-
- Tạm ứng của cán bộ nhân viên	-	-	361,430,295	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**2,536,130,077**	**-**	**1,277,180,647**	**-**

4. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng đang đi đường	28,000,000	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	84,336,516,932	-	44,141,444,699	-
- Công cụ, dụng cụ	31,119,739,382	-	31,035,290,331	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7,362,720,398	-	10,555,675,708	-
- Thành phẩm	40,889,083,426	-	43,884,001,929	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	**163,736,060,138**	**-**	**129,616,412,667**	**-**

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	**91,386,495,950**	**309,332,704,189**	**10,509,277,706**	**3,358,849,662**	**414,587,327,507**
- Mua trong kỳ	3,659,196,812	23,054,458,602	740,000,000	-	27,453,655,414
- Thanh lý, nhượng bán	-	6,338,526,951	-	-	6,338,526,951
Số dư cuối năm	**95,045,692,762**	**326,048,635,840**	**11,249,277,706**	**3,358,849,662**	**435,702,455,970**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	**61,701,362,189**	**238,976,613,590**	**8,137,065,517**	**3,057,100,294**	**311,872,141,590**
- Khấu hao trong năm	2,759,434,976	25,004,281,425	581,123,234	150,509,906	28,495,349,541
- Thanh lý, nhượng bán	-	6,275,503,084	-	-	6,275,503,084
Số dư cuối năm	**64,460,797,165**	**257,705,391,931**	**8,718,188,751**	**3,207,610,200**	**334,091,988,047**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**29,685,133,761**	**70,356,090,599**	**2,372,212,189**	**301,749,368**	**102,715,185,916**
Tại ngày cuối năm	**30,584,895,597**	**68,343,243,909**	**2,531,088,955**	**151,239,462**	**101,610,467,923**

Nguyên giá tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2018: 126.801.098.258, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018: 100.696.334.657

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng tài sản
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	**33,775,561,946**	**821,662,500**	**34,597,224,446**
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	**33,775,561,946**	**821,662,500**	**34,597,224,446**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	**980,368,789**	**730,316,267**	**1,710,685,056**
- Khấu hao trong năm	686,370,780	32,410,188	718,780,968
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	**1,666,739,569**	**762,726,455**	**2,429,466,024**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	**32,795,193,157**	**91,346,233**	**32,886,539,390**
Tại ngày cuối năm	**32,108,822,377**	**58,936,045**	**32,167,758,422**

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**Số cuối năm** VND	**Số đầu năm** VND
- Triển khai phần mềm	190,775,000	190,775,000
Thi công công trình nhà xưởng cơ khí trung tâm (CK3)	17,338,271,825	-
Cộng	**17,529,046,825**	**190,775,000**

8. Chi phí trả trước	**Số cuối năm** VND	**Số đầu năm** VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	**1,595,885,295**	**961,539,546**
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (bàn ghế, dụng cụ khác)	264,736,361	99,386,247
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất(biến tần, xi lanh, băng tải…)	1,331,148,934	862,153,299
b) Chi phí trả trước dài hạn	**5,619,798,287**	**2,438,476,286**
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động chung (máy in, điều hòa...)	1,874,181,361	1,160,326,298
- Công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất(khuôn dập, nồi nấu kim loại, ổn áp…)	3,745,616,926	1,278,149,988
Cộng	**7,215,683,582**	**3,400,015,832**

9. Tài sản dài hạn khác	**Số cuối năm** VND	**Số đầu năm** VND
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	30,550,768,000	20,863,252,000
Cộng	**30,550,768,000**	**20,863,252,000**

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**94,433,922,498**	**94,433,922,498**	**93,129,480,496**	**93,129,480,496**
- Công ty TNHH Linh Trung ES	24,121,729,209	24,121,729,209	18,434,703,912	18,434,703,912
- Công ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Nam Việt	3,511,566,616	3,511,566,616	10,497,143,000	10,497,143,000
- TORY LTD	3,901,401,288	3,901,401,288	11,102,527,345	11,102,527,345
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	7,594,833,260	7,594,833,260	8,253,318,400	8,253,318,400
- Công ty TNHH Lam Sơn	22,286,075,585	22,286,075,585	19,895,811,345	19,895,811,345
- Công ty Cổ Phần SXKD VTTB Công Nghiệp	6,063,942,104	6,063,942,104	205,006,350	205,006,350
- Công ty Cổ Phần Nam Thiên	10,893,206,646	10,893,206,646	10,910,132,569	10,910,132,569
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**94,433,922,498**	**94,433,922,498**	**93,129,480,496**	**93,129,480,496**

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Linh Trung ES	24,121,729,209	24,121,729,209	18,434,703,912	18,434,703,912
Cộng	**24,121,729,209**	**24,121,729,209**	**18,434,703,912**	**18,434,703,912**

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**2,446,981,197**	**2,745,486,400**
- Trích trước chi phí lãi vay	855,246,197	833,948,577
- Trích trước tiền ăn ca giữa tháng	1,206,318,000	1,705,802,008
- Chi phí bán hàng, quản lý, sản xuất chung khác	385,417,000	205,735,815
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**2,446,981,197**	**2,745,486,400**

12. Phải trả khác	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
	VND	**VND**
a) Ngắn hạn	**1,125,251,602**	**587,413,554**
- Kinh phí công đoàn	531,642,246	180,929,107
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	9,126,635
- Các khoản phải trả phải nộp khác	593,609,356	397,357,812
b) Dài hạn	**1,454,000,000**	**1,452,000,000**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,454,000,000	1,452,000,000
Cộng	**2,579,251,602**	**2,039,413,554**

13. Vay và nợ thuê tài chính (thuyết minh chi tiết tại 13.1)

a) Vay ngắn hạn

(*)Hợp đồng cho vay hạn mức số 39/2018-HĐCVHM/NHCT144-XLĐA ngày 29/08/2018, lãi suất tại thời điểm vay cuối cùng trong năm là 7%/năm.

(**) Hợp đồng cho vay hạn mức số 18172/HM/HĐTD.DAH ngày 25/10/2018, lãi suất tại thời điểm vay cuối cùng trong năm là 5.8%/năm.

b) Vay dài hạn

(***) Hợp đồng tín dụng số 12/2015-HĐTD TDH/NHCT144-XLDA ngày 21 tháng 07 năm 2015 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, lãi vay 8.6%/năm

(****) Hợp đồng tín dụng số 17175/DH/HĐTD.DAH ngày 24 tháng 05 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, lãi vay 8.6%/năm.

13.1 Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**133,299,221,963**	**133,299,221,963**	**418,331,014,413**	**422,943,329,610**	**123,268,696,112**	**123,268,696,112**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	110,219,511,183	110,219,511,183	340,864,583,902	319,138,842,229	80,391,048,462	80,391,048,462
+ Vay ngắn hạn (*)	*102,116,790,135*	*102,116,790,135*	*340,864,583,902*	*308,566,013,081*	*69,818,219,314*	*69,818,219,314*
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	*8,102,721,048*	*8,102,721,048*	-	*10,572,829,148*	*10,572,829,148*	*10,572,829,148*
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh (**)	23,079,710,780	23,079,710,780	77,466,430,511	103,804,487,381	42,877,647,650	42,877,647,650
+ Vay ngắn hạn (*)	*16,539,590,780*	*16,539,590,780*	*77,466,430,511*	*103,804,487,381*	*42,877,647,650*	*42,877,647,650*
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	*6,540,120,000*	*6,540,120,000*	-	-	-	-
b) Vay dài hạn	**84,472,344,092**	**-**	**40,631,121,434**	**2,455,354,769**	**60,939,418,475**	**-**
- Vay tổ chức tín dụng	62,398,114,701	-	39,831,121,434	1,635,030,000	38,844,864,315	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (***)	*29,709,977,201*	-	-	-	*40,282,806,349*	
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	*(8,102,721,048)*	-	-	-	*(10,572,829,148)*	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh (****)	*47,330,978,548*	-	*39,831,121,434*	*1,635,030,000*	*9,134,887,114*	-
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	*(6,540,120,000)*		-	-	-	-
- Vay cán bộ công nhân viên	22,074,229,391	-	800,000,000	820,324,769	22,094,554,160	-
Cộng	**217,771,566,055**	**133,299,221,963**	**458,962,135,847**	**425,398,684,379**	**184,208,114,587**	**123,268,696,112**

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Chi tiết	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số đầu năm	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	30,209,785,196	31,948,558,567	-	1,738,773,371
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	11,109,806,457	11,109,806,457	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	4,050,541,323	4,050,541,323	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-	7,944,480	7,944,480	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	666,479,126	1,447,972,338	1,152,446,296	-	370,953,084
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	717,045,643	-	6,390,181,270	5,084,655,523	2,022,571,390	-
- Thuế nhà, thuế đất	-	-	1,660,179,026	1,660,179,026	-	-
- Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	-	-	63,023,867	163,082,378	-	100,058,511
Cộng	**717,045,643**	**666,479,126**	**54,939,433,957**	**55,177,214,050**	**2,022,571,390**	**2,209,784,966**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**60,000,000,000**	**63,000,752,818**	**479,984,753**	**123,480,737,571**
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	23,776,075,440	23,776,075,440
- Tăng khác	-	3,566,411,316	-	3,566,411,316
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối các quỹ	-	-	6,444,018,860	6,444,018,860
Số dư cuối năm trước	**60,000,000,000**	**66,567,164,134**	**17,812,041,333**	**144,379,205,467**
Số dư đầu năm nay	**60,000,000,000**	**66,567,164,134**	**17,812,041,333**	**144,379,205,467**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	25,223,348,682	25,223,348,682
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	3,783,502,302	-	3,783,502,302
- Tạm trích cổ tức từ lợi nhuận 2018	-	-	17,400,000,000	17,400,000,000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*3,783,502,302*	3,783,502,302
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành	-	-	*1,756,700,460*	1,756,700,460
- Giảm khác		-	-	-
Số dư cuối năm nay	**60,000,000,000**	**70,350,666,436**	**20,095,187,253**	**150,445,853,689**

Lợi nhuận năm 2017 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua việc phân phối như sau:

+ Chi cổ tức mức 2.900 đồng/cổ phần;

+ Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi: tỷ lệ lần lượt: 15%-10%

+ Trích quỹ thưởng ban điều hành: 500.000.000 đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đang được tạm phân phối vào các quỹ Đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 15%-3%, tạm trích khen thưởng phúc lợi 1.000.000.000 trên lợi nhuận sau thuế năm 2018 . Mức trích và tỷ lệ trích cụ thể sẽ được quyết định thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
	VND	**VND**
1. Pháp nhân trong nước	**12,603,000,000**	**12,603,000,000**
- Công ty TNHH Linh Trung ES	6,000,000,000	6,000,000,000
- Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Cát	803,000,000	803,000,000
- Công ty TNHH DALAT SAFARI	2,900,000,000	2,900,000,000
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2,900,000,000	2,900,000,000
2. Cá nhân trong nước (853 cá nhân)	**47,397,000,000**	**47,397,000,000**
Cộng	**60,000,000,000**	**60,000,000,000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia

	Năm nay	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	*60,000,000,000*	*60,000,000,000*
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	*60,000,000,000*	*60,000,000,000*
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	*17,400,000,000*	17,400,000,000

d) Cổ phiếu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
	VND	**VND**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,000,000	6,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,000,000	6,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	*6,000,000*
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,000,000	6,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	*6,000,000*
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/ cổ phiếu	-	

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài	-	-
Tài sản nhận giữ hộ	-	-
Ngoại tệ các loại (USD)	9,179.43	31,434.61
Kim khí, đá quý	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

17. Công cụ tài chính

Các công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	**Số cuối năm**		**Số đầu năm**	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Tiền và các khoản tương đương tiền	15,077,276,481	-	44,607,293,265	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139,120,096,256	-	140,318,993,464	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**154,197,372,737**	**-**	**184,926,286,729**	**-**

Nợ phải trả tài chính	**Số cuối năm**		**Số đầu năm**	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Vay và nợ	217,771,566,055		184,208,114,587	
Phải trả người bán, phải trả khác	97,013,174,100		93,716,894,050	
Chi phí phải trả	2,446,981,197		2,745,486,400	
Cộng	**317,231,721,352**	**-**	**280,670,495,037**	**-**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15,077,276,481	-	-	15,077,276,481
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139,120,096,256	-	-	139,120,096,256
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**154,197,372,737**	**-**	**-**	**154,197,372,737**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44,607,293,265	-	-	44,607,293,265
Phải thu khách hàng, phải thu khác	140,318,993,464	-	-	140,318,993,464
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**184,926,286,729**	**-**	**-**	**184,926,286,729**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	133,299,221,963	84,472,344,092	-	217,771,566,055
Phải trả người bán, phải trả khác	95,559,174,100	1,454,000,000	-	97,013,174,100
Chi phí phải trả	2,446,981,197	-	-	2,446,981,197
Cộng	**231,305,377,260**	**85,926,344,092**	**-**	**317,231,721,352**
Số đầu năm				
Vay và nợ	123,268,696,112	60,939,418,475	-	184,208,114,587
Phải trả người bán, phải trả khác	93,716,894,050	1,452,000,000	-	95,168,894,050
Chi phí phải trả	2,745,486,400	-	-	2,745,486,400
Cộng	**219,731,076,562**	**62,391,418,475**	**-**	**282,122,495,037**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	138,245,091,855	121,218,040,475
- Doanh thu bán thành phẩm	1,281,772,419,150	1,283,005,241,242
Cộng	**1,420,017,511,005**	**1,404,223,281,717**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	6,594,972,715	3,603,485,155
Cộng	**6,594,972,715**	**3,603,485,155**

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư	138,245,091,855	121,218,040,475
- Doanh thu bán thành phẩm	1,275,177,446,435	1,279,401,756,087
Cộng	**1,413,422,538,290**	**1,400,619,796,562**

4. Giá vốn hàng bán	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Giá vốn nhượng bán hàng hóa, vật tư	124,234,549,876	117,087,132,551
- Giá vốn bán thành phẩm	1,174,239,436,626	1,171,178,585,950
Cộng	**1,298,473,986,502**	**1,288,265,718,501**

5. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118,094,096	243,069,014
- Lãi chênh lệch tỷ giá	53,652,157	5,097,382
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	36,583,397	-
Cộng	**208,329,650**	**248,166,396**

6. Chi phí tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Lãi tiền vay	12,814,771,195	11,927,497,925
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	228,813,875	10,467,692
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	264,055,304
Cộng	**13,043,585,070**	**12,202,020,921**

7. Chi phí quản lý, chi phí bán hàng	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	**59,540,366,746**	**58,733,624,787**
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	42,255,782,233	42,180,821,316
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, phân bổ	1,758,713,855	1,957,719,794
- Thuế, phí lệ phí	1,671,123,506	1,471,273,339
- Các khoản chi phí khác (điện thoại, tiếp khách, chi phí công tác…)	13,854,747,152	13,123,810,338
b) Chi phí bán hàng	**15,282,397,012**	**14,419,234,803**
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	10,578,109,844	10,609,694,142
- Chi phí vận chuyển, xuất khẩu hàng	4,475,863,279	3,719,927,264
- Chi phí khác	228,423,889	89,613,397
Cộng	**74,822,763,758**	**73,152,859,590**

8. Thu nhập khác	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Thanh lý nhượng bán tài sản, công cụ dụng cụ	119,925,000	161,393,165
- Thu từ bán phế liệu	2,648,401,000	2,757,402,000
- Thu từ cho thuê mặt bằng, tiền điện	181,720,984	373,393,910
- Khoản hỗ trợ lãi suất	-	-
- Các khoản khác	1,674,987,112	309,271,221
Cộng	**4,625,034,096**	**3,601,460,296**

9. Chi phí khác	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Giá trị còn lại của TS và chi phí nhượng bán TS	-	232,406,781
- Chi phí khác	283,114	2,228,569
- Bồi thường, bị phạt	301,753,641	-
Cộng	**302,036,755**	**234,635,350**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6,390,181,270	6,838,113,452
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**6,390,181,270**	**6,838,113,452**

Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
Lợi nhuận trước thuế	**31,613,529,952**	**30,614,188,892**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**337,376,398**	**137,254,158**
- Các khoản điều chỉnh tăng	337,376,398	137,254,158
+ Chi phí không hợp lệ	337,376,398	*137,254,158*
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	**31,950,906,350**	**30,751,443,050**
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	31,950,906,350	30,751,443,050
- Thu nhập tính thuế	31,950,906,350	30,751,443,050
Thuế suất hiện hành	**20%**	**20%**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**6,390,181,270**	**6,150,288,610**
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường	6,390,181,270	6,150,288,610
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	687,824,842
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**6,390,181,270**	**6,838,113,452**

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Lợi nhuận thuần sau thuế	25,223,348,682	23,776,075,440
- Các khoản điều chỉnh	1,000,000,000	2,377,607,544
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	*1,000,000,000*	*2,377,607,544*
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24,223,348,682	21,398,467,896
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6,000,000	6,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4,037.22**	**3,566.41**

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477,733,143,514	694,882,522,078
Chi phí nhân công	233,945,385,127	259,121,627,527
Chi phí khấu hao TSCĐ	29,370,192,762	28,049,759,921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56,737,432,394	41,024,724,389
Chi phí bằng tiền khác	6,298,862,594	6,830,979,365
Cộng	**804,085,016,391**	**1,029,909,613,280**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.

1. Số tiền đi vay thực tế thu trong kỳ	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	458,962,135,847	460,893,686,467
Cộng	**458,962,135,847**	**460,893,686,467**

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	**Năm trước**	**Năm trước**
	VND	**VND**
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	425,398,684,379	450,595,168,883
Cộng	**425,398,684,379**	**450,595,168,883**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch phi tiền tệ khác	**Năm nay**
	VND
- Tiền vay nhận được chuyển trả trực tiếp cho nhà cung cấp	458,162,135,847

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2018.

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước) Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Kinh doanh hàng hóa VND	*Tổng* VND
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1,413,422,538,290	1,413,422,538,290
Tổng doanh thu thuần	**1,413,422,538,290**	**1,413,422,538,290**
Chi phí bộ phận	1,298,473,986,502	1,298,473,986,502
Kết quả kinh doanh bộ phận	**114,948,551,788**	**114,948,551,788**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		**74,822,763,758**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		40,125,788,030
Doanh thu hoạt động tài chính		208,329,650
Chi phí tài chính		13,043,585,070
Thu nhập khác		4,625,034,096
Chi phí khác		302,036,755
Thuế TNDN hiện hành		6,390,181,270
Lợi nhuận sau thuế		**25,223,348,682**

4. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan đã được thuyết minh tại các phần thuyết minh nêu trên, ngoài ra còn có một số giao dịch sau:

a) Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	99,900,000	44,400,000

b) Giao dịch mua bán trong kỳ

Chi tiết	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH Linh Trung ES	**Cổ đông**		
- Giao dịch bán hàng		***687,613,581***	***1,689,134,417***
+ Doanh thu nhượng bán hàng hóa, vật tư		61,653,440	1,165,734,327
+ Doanh thu bán thành phẩm		625,960,141	523,400,090
+ Doanh thu bán thanh lý tài sản		-	-
- Giao dịch mua hàng		***215,008,003,249***	***227,401,862,088***
+ Mua hàng hóa, vật tư		*215,008,003,249*	*227,401,862,088*

c) Phải trả tiền vay	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	50,103,538	50,103,538
- Phạm Đức Hiếu	Thành viên HĐQT	41,489,793	41,489,793
- Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ	93,183,905	93,183,905
- Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS	5,439,036	5,439,036
- Ngô Vĩnh Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc	34,658,188	34,658,188
- Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	106,047,840	106,047,840
- Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	8,611,219	8,611,219
- Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ	11,362,956	11,362,956
- Nguyễn Thị Mùi	THành viên BKS	8,403,255	8,403,255
Cộng		**359,299,730**	**359,299,730**

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	%	26.07	28.31
Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	63.47	66.78
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	70.69	69.86
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	29.31	30.14
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn	*lần*	*1.18*	*1.18*
Khả năng thanh toán nhanh	*lần*	*0.05*	*0.16*
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	*%*	*2.24*	*2.19*
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	*%*	*1.78*	*1.70*
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	*%*	*16.77*	*16.47*
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn	*%*	*4.91*	*4.96*

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHẠM THỊ THÚY	PHẠM ĐỨC HIẾU	PHAN TẤN BÌNH